

HỒ SƠ NĂNG LỰC | 能力文件



THÉP XÂY DỰNG THÉP LƯỚI HÀN

建筑钢铁
焊接钢网



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP ĐẠI NGHĨA

大义工业机械贸易有限公司

MỤC LỤC I 目录

CHƯƠNG I 第一章	TỔNG QUAN CÔNG TY 公司概况	04
CHƯƠNG II 第二章	SẢN PHẨM & DỊCH VỤ 产品 - 服务	17
CHƯƠNG III 第三章	GIA CÔNG - SẢN XUẤT 加工- 生产	37
CHƯƠNG IV 第四章	GIAO NHẬN 交货	47
CHƯƠNG V 第五章	ĐỐI TÁC - KHÁCH HÀNG 客户与合作伙伴	55
CHƯƠNG VI 第六章	DỰ ÁN - CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU 代表项目	59



“

VỚI MỤC TIÊU CUNG CẤP CÁC GIẢI PHÁP TỐI ƯU TRONG SẢN XUẤT, GIA CÔNG, ĐỒNG THỜI CUNG CẤP ĐA DẠNG CHỦNG LOẠI THÉP CHO CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG. ĐẠI NGHĨA LUÔN MANG LẠI NIỀM TIN & SỰ HÀI LÒNG CHO KHÁCH HÀNG THÔNG QUA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, SỰ CAM KẾT ĐỒNG HÀNH. ĐIỀU ĐÓ GÓP PHẦN MANG LẠI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CHO CHÚNG TÔI, CHO QUÝ ĐỐI TÁC, VÀ KHÁCH HÀNG - ĐỂ CÙNG PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH CÔNG.

旨在为建筑工程提供生产加工过程中的优化解决方案及许多不同类型的钢材, 大义始终通过产品质量及公司承诺提升客户的信任度与满意度, 并且对我们与客户和合作伙伴的可持续发展目标做出了突出贡献。

Thư Ngỏ

Sự thành công của **Thép Đại Nghĩa** được xây dựng từ niềm tin và hợp tác chân thành, sự thấu hiểu và quan tâm đến Khách hàng.

Công Ty TNHH Thương Mại Cơ Khí Công Nghiệp Đại Nghĩa với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm và hệ thống máy móc công nghệ hiện đại sản xuất đa dạng các sản phẩm gia công, định hình sẵn như lưới thép hàn, tôn thép, xà gồ và tấm lợp các loại. Nhằm mang đến cho khách hàng gói sản phẩm hoàn thiện, đồng bộ từ khâu thiết kế, tư vấn giải pháp, sản xuất và cung cấp, góp phần tạo ra những công trình chất lượng, thẩm mỹ và chuyên nghiệp, đồng thời mang lại lợi ích thiết thực cho khách hàng và hiệu quả về chi phí, tiến độ thi công.

Mỗi dự án hình thành và đi vào hoạt động là minh chứng cho sự tin tưởng từ khách hàng, cũng là niềm tự hào và động lực để **Đại Nghĩa** tiếp tục hành trình đổi mới và không ngừng sáng tạo để mang đến những sản phẩm mới áp dụng cho ngành xây dựng Việt Nam.

前言

大义钢铁的成功建立在真诚的合作、客户的信任、理解和关心之上。

大义商业机械贸易有限公司拥有一支经验丰富的人员队伍，现代化的机械设备和技术体系生产焊接钢网、钢结构、钢板等预成型产品。为客户提供完善的全套服务从设计、咨询方案到生产供货，致力于创造优质、美观、专业的工程，同时也为客户带来包括成本和施工进度各方面实实在在的利益。

每一个项目的建成投产，都是客户对**大义**公司的信任的见证，也是我们继续不停地改造创新为专业建筑行业带来全新、现代、先进的科技产品的信心和动力。

HỆ THỐNG CỦA CHÚNG TÔI

我们的网络



1 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP ĐẠI NGHĨA

📍 Số 23, đường 16, KDC Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TP.HCM

☎ (028) 3535 8850 – (028) 3535 8860 – (028) 3535 8870

✉ info@dainghiasteeel.vn 🌐 www.dainghiasteeel.vn

大義商业机械贸易有限公司

📍 越南胡志明市平新郡永禄B住宅区16街23号

☎ (+84) 28 3535 8850 – (+84) 28 3535 8860 – (+84) 28 3535 8870

2 NHÀ MÁY SẢN XUẤT KẾT CẤU THÉP 1

📍 Số 5 VSIP II-A, Đường 32 KCN Việt Nam - Singapore II-A, Xã Tân Bình, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương

☎ (0274) 380 3670 ✉ info@dainghiasteeel.com
🌐 www.dainghiasteeel.com

钢结构生产工厂 1

平陽省北新淵县新平乡社VSIP2-A工业区32街 VSIP2-A 5号

☎ (+84) 274 380 3670

3 NHÀ MÁY SẢN XUẤT KẾT CẤU THÉP 2

📍 Số 23, Đường 3, KCN Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, Thủ Dầu Một, Bình Dương

☎ (0274) 381 5018 ✉ cokhi@chithanh.vn
🌐 www.chithanh.vn

钢结构生产工厂 2

平陽省和富坊土龙木市VSIP2工业区3街23号

☎ (+84) 274 381 5018

4 NHÀ MÁY SẢN XUẤT TÔN - XÀ GỒ

📍 Số 23, Đường 3, KCN Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, Thủ Dầu Một, Bình Dương

☎ (0274) 381 5018 ✉ cokhi@chithanh.vn
🌐 www.chithanh.vn

浪板-檩条生产工厂

平陽省和富坊土龙木市VSIP2工业区3街23号

☎ (+84) 274 381 5018

5 NHÀ MÁY SẢN XUẤT LƯỚI THÉP HÀN

📍 Số 5 VSIP II-A, Đường 32 KCN Việt Nam - Singapore II-A, Xã Tân Bình, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Dương

☎ (0274) 380 3670 ✉ info@dainghiasteeel.com
🌐 www.dainghiasteeel.com

焊接钢网生产工厂

平陽省北新淵县新平乡社VSIP2-A工业区32街 VSIP2-A 5号

☎ (+84) 274 380 3670

6 KHO THIẾT BỊ, THÉP XÂY DỰNG

📍 Số 23, Đường 3, KCN Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, Thủ Dầu Một, Bình Dương

☎ (0274) 381 5018 ✉ cokhi@chithanh.vn
🌐 www.chithanh.vn

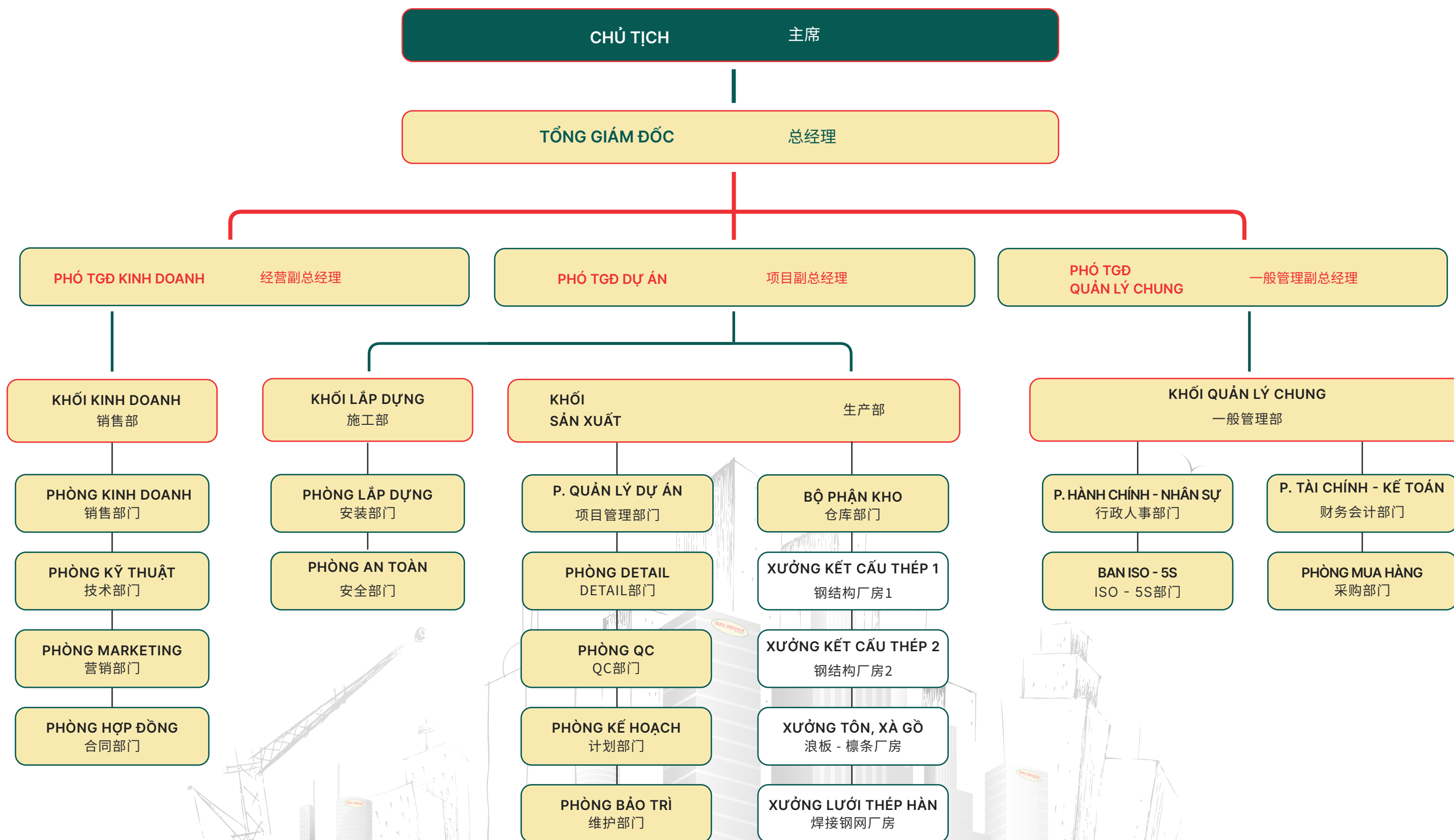
钢材建筑-设备仓库

平陽省和富坊土龙木市VSIP2工业区3街23号

☎ (+84) 274 381 5018

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

组织结构图





Tâm Nhìn | 愿景

Trở thành thương hiệu sản xuất, kinh doanh thép hàng đầu Việt Nam.

成为越南领先的钢铁制造和贸易品牌。



Sứ Mệnh | 使命

Áp dụng các công nghệ tiên tiến nhất để tạo nên những công trình đạt chất lượng hoàn hảo, đáp ứng sự tin tưởng của quý khách hàng, góp phần tạo nên sự phát triển chung trong ngành xây dựng và mang lại lợi ích cho toàn xã hội.

应用最先进的技术, 打造完美品质的工程, 满足客户的信赖, 为建筑行业的共同发展做出贡献, 为社会带来福利。



Giá trị cốt lõi | 核心价值观

Lấy con người làm giá trị cốt lõi, mọi hành động, công việc của chúng tôi đều hướng đến việc kiến tạo những giá trị tốt nhất cho khách hàng, nhân viên và xã hội với phương châm:

UY TÍN: giữ đúng lời hứa, lời nói đi đôi với việc làm

TỬ DUY: Suy nghĩ hành động sáng tạo, chủ động giải pháp, liên tục cải tiến

TRÁCH NHIỆM: Dám và biết chịu trách nhiệm trong mọi hành động.

以人类为核心价值, 我们所有活动和工作都旨在为客户、员工和社会创造最佳的价值, 座右铭是:

威信: 信守承诺, 言行一致。

思维: 创造性的思维、行动, 主动解决方案、持续改进。

责任: 知晓并敢于在所有行动中承担责任。

Văn Hóa | 文化



Biết Ơn | 感激

Chúng tôi luôn quan niệm lòng biết ơn là căn nguyên gốc rễ cho mọi thành công ngày hôm nay của chúng tôi.

我们始终相信感恩是我们今天所有成功的根本原因。



Đam Mê | 激情

Một đội ngũ đam mê & cháy bỏng, luôn tận tụy với công việc. Đó chính là sức mạnh để chúng tôi luôn vượt qua mọi thách thức.

充满激情和燃烧动力的团队, 始终致力于工作。这是我们从来克服所有挑战的力量。



Nhất Quán | 一致性

Chuẩn mực, nhất quán là cá tính của chúng tôi để giúp Khách hàng và Đối tác luôn dễ dàng khi hợp tác cùng chúng tôi.

标准一致是我们的个性, 让客户和合作伙伴与我们在合作上更加容易。



Trách Nhiệm | 责任

Chúng tôi luôn tâm niệm, công việc gì rồi cũng sẽ vướng nhiều thách thức, khó khăn. Nhưng chúng ta sẽ vượt qua hết miễn là chịu ngồi xuống cùng nhau.

我们时刻牢记每一份工作都会遇到许多挑战和困难, 只要我们站在一起所有困难都会过去。

Tại Sao Chọn Đại Nghĩa 为什么选择大义

Bởi vì điều mà chúng tôi hướng đến, chính là sự hài lòng và niềm vui của khách hàng.

因为我们期待就是客户的满意和喜悦。

1. HỖ TRỢ PHÁP LÝ & THIẾT KẾ GIẢI PHÁP 法律支持和解决方案设计

Với những yêu cầu của khách hàng, chúng tôi luôn cẩn thận xem xét bởi các chuyên gia thâm niên trong ngành cùng với phần mềm thiết kế tự động hoá giúp Đại Nghĩa đưa ra giải pháp tối ưu cho các dự án.

对于的客户要求, 我们的专家考虑小心总是的要求, 和同自动化设计软件, 帮助大义为项目提出最佳解决方案。

2. NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO RÕ RÀNG 清晰的原点输入材料

Nguồn Nguyên vật liệu có nguồn gốc xuất xứ từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Việt Nam... từ các nhà máy có thương hiệu, uy tín và có đầy đủ hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng được các tiêu chuẩn Quốc tế ASTM, BS, JIS....đảm bảo tính ổn định và tuổi thọ công trình cao, bền vững.

原料来自从日本、韩国、中国、越南...而且来自具有品牌、信誉良好和完全合格的质量管理体系的工厂, 符合国际标准ASTM、BS、JIS.....保证项目的稳定性和寿命, 可持续。

3. CHẤT LƯỢNG ĐẢM BẢO 质量保证

Toàn bộ các sản phẩm Đại Nghĩa được sản xuất tại nhà máy của chúng tôi với hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2005; ISO 14001:2015; ISO 45001:2018 đảm bảo các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

大义的产品均在制造的工厂, 采用ISO9001:2005质量管理体系, 以保证 产品符合国际质量标准。

NHỮNG GIÁ TRỊ KHÁCH HÀNG CỦA ĐẠI NGHĨA NHẬN ĐƯỢC

大义给的客户获得的价值

6. BẢO TRÌ LÂU DÀI 长期维护

Với sự tham gia của bộ phận quản lý dự án, khối dịch vụ chăm sóc khách hàng. Đại Nghĩa luôn tận tâm trong công tác hỗ trợ và chăm sóc khách hàng, bảo trì công trình sau khi khách hàng nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

和项目管理部、同客服部参与。大义 始终承诺于支持和照顾客户, 在客户接受并投入使用后维护项目。

5. GIÁ CẢ CẠNH TRANH 竞争的價格

Tối ưu hoá chi phí quản lý, đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp, dây chuyền sản xuất, máy móc công nghệ cao, phần mềm thiết kế tự động hoá. Đại Nghĩa mang lại cho quý khách hàng giải pháp trọn gói với giá cả cạnh tranh nhất.

大义以最自动化设计软件, 生产线, 高科技机械, 专业的人力资源, 优化管理成本, 向具给客户一个打包解决方案和提供一价格的竞争。

4. GIAO HÀNG ĐÚNG TIẾN ĐỘ 按时交货的进度

Với nhà máy sản xuất 35,000m² tọa lạc tại KCN VSIP II Bình Dương, cùng với dây chuyền sản xuất, máy móc hiện đại chúng tôi cam kết đáp ứng mọi yêu cầu khó tính của khách hàng về tiến độ, chất lượng.

我们的工厂在平阳越南-新加坡II工业园区, 拥有35,000 平方米, 位于配备现代化的生产线和机器。我们致力于满足客户在进度和质量方面的所有苛刻要求。



SẢN PHẨM & DỊCH VỤ

1. GIỚI THIỆU CHUNG
2. THÉP XÂY DỰNG
3. THÉP CUỘN, TẤM
4. THÉP HÌNH
5. THÉP ỐNG, HỘP
6. LƯỚI THÉP HÀN

产品与服务

1. 总体介绍
2. 建筑钢材
3. 钢卷, 板
4. 型钢
5. 钢管
6. 焊接钢网

1. Giới Thiệu Chung 总体介绍



THÉP XÂY DỰNG & LƯỚI THÉP HÀN ĐẠI NGHĨA

Công ty TNHH Thương Mại Cơ Khí Công Nghiệp Đại Nghĩa với nhiều năm kinh nghiệm trong kinh doanh và phân phối sắt thép. Đại Nghĩa định hướng phát triển là nhà sản xuất & cung cấp thép chất lượng, hiệu quả với nguồn nguyên liệu đáng tin cậy từ những đối tác thân thiết trong và ngoài nước của chúng tôi như: Pomina, Hòa Phát, Vinakyoei, Thép Miền Nam, Tungho...

Thép Đại Nghĩa đầu tư máy móc dây chuyền công nghệ hiện đại & áp dụng quy trình kiểm soát chất lượng chặt chẽ. Sản phẩm Thép Xây Dựng & Lưới Thép Hàn Đại Nghĩa đạt các tiêu chuẩn TCVN 9391:2012 và quốc tế như SIA 16211-S550, BS 4483, ISO 1566, DIN 488, AS-NZS 4671-2001.

Sản phẩm đã được cung ứng cho hơn 100 công trình trong và ngoài nước như: Nhà xưởng Chấn Hưng Gia, Trại heo Newhope, Nhà máy sản xuất lốp ô tô Advance,...

Ý thức về sự quan trọng của kết cấu bê tông cốt thép, sản phẩm Thép Xây Dựng & Lưới Thép Hàn Đại Nghĩa sẽ luôn được chúng tôi cải tiến, hoàn thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra và quan trọng hơn nữa là, chúng tôi cam kết mang lại sự hài lòng và tin tưởng và đồng hành phát triển cùng Quý Khách hàng.

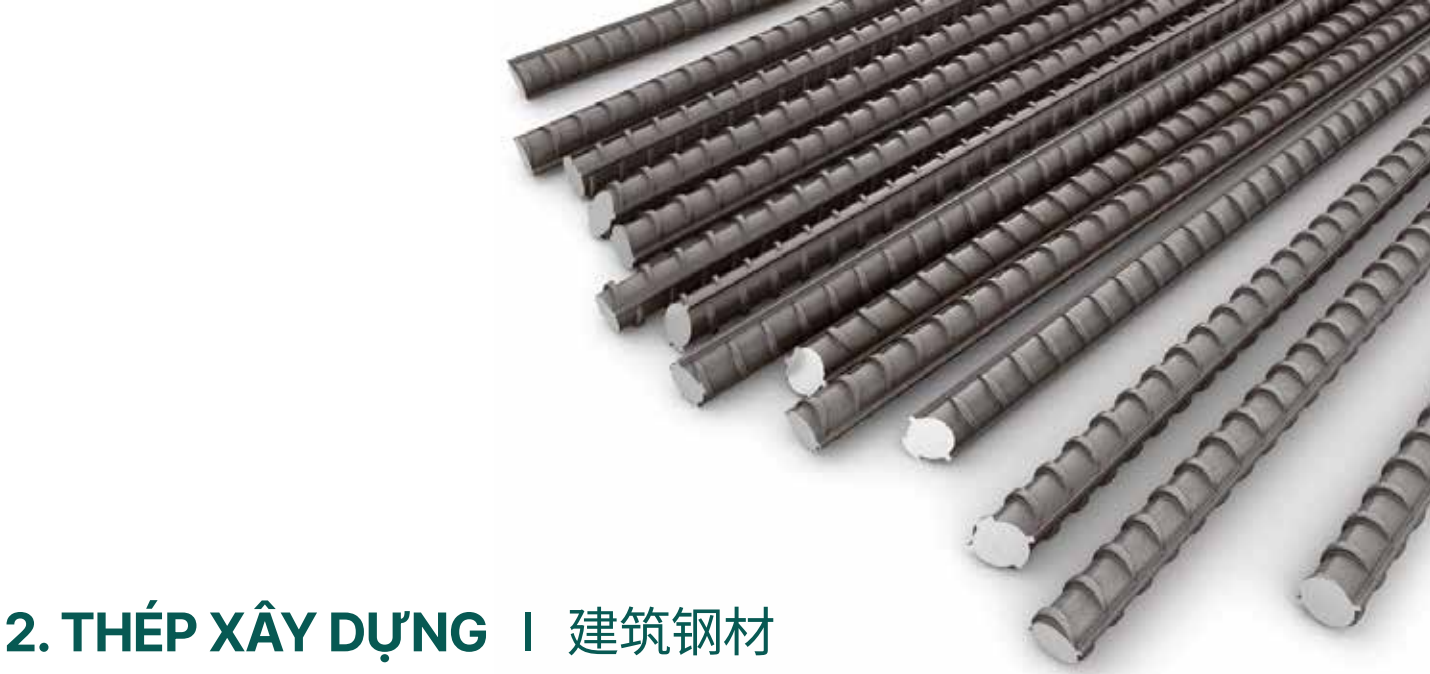
大义建筑钢材 & 焊接钢网

凭借在行业里的多年经验商业和分配铁和钢, 大义工业机械贸易有限公司导向方向发展成为制作人和供应钢质量, 效率由威信合伙方 提供的正品原材料, 如: Pomina, 和发, Vinakyoei, 南方钢铁, Tungho...

大义投资于现代机械设备和技术, 并采用严格的质量控制流程。大义的建筑钢铁与焊接钢网的产品符合国内TCVN 9391:2012及SIA 等国际标准 SIA 16211-S550, BS 4483, ISO 1566, DIN 488, AS-NZS 4671-2001。

我们已成为国内外100多个项目的供应商, 如: Chan Hung Gia工厂, Newhope养猪场, Advance汽车轮胎厂等...

意识到混凝土钢结构的重要性, 所以大义我们将不停地把钢筋及焊接钢网产品去改进, 完善, 提高生产效率和产品质量, 更重要的是, 我们一直致力于提升客户满意度和认可度, 与客户共同发展。

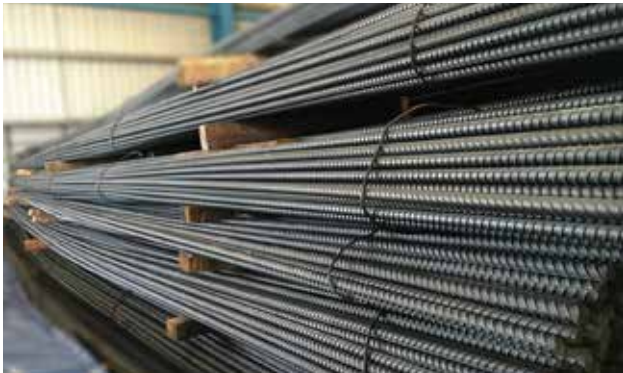


2. THÉP XÂY DỰNG | 建筑钢材

2.1 GIỚI THIỆU THÉP XÂY DỰNG | 建筑钢材介绍

Là kết cấu cốt thép chịu lực chính trong các cấu kiện bê tông cốt thép. Thép Xây dựng Đại Nghĩa đạt tiêu chuẩn để ứng dụng nhiều loại kết cấu chịu lực khác nhau của các cấu kiện xây dựng.

是钢筋混凝土结构中主要的承载结构。大义建筑钢材是高質準的產品，合适用于申请多种不同类型的建筑构件构造结构。

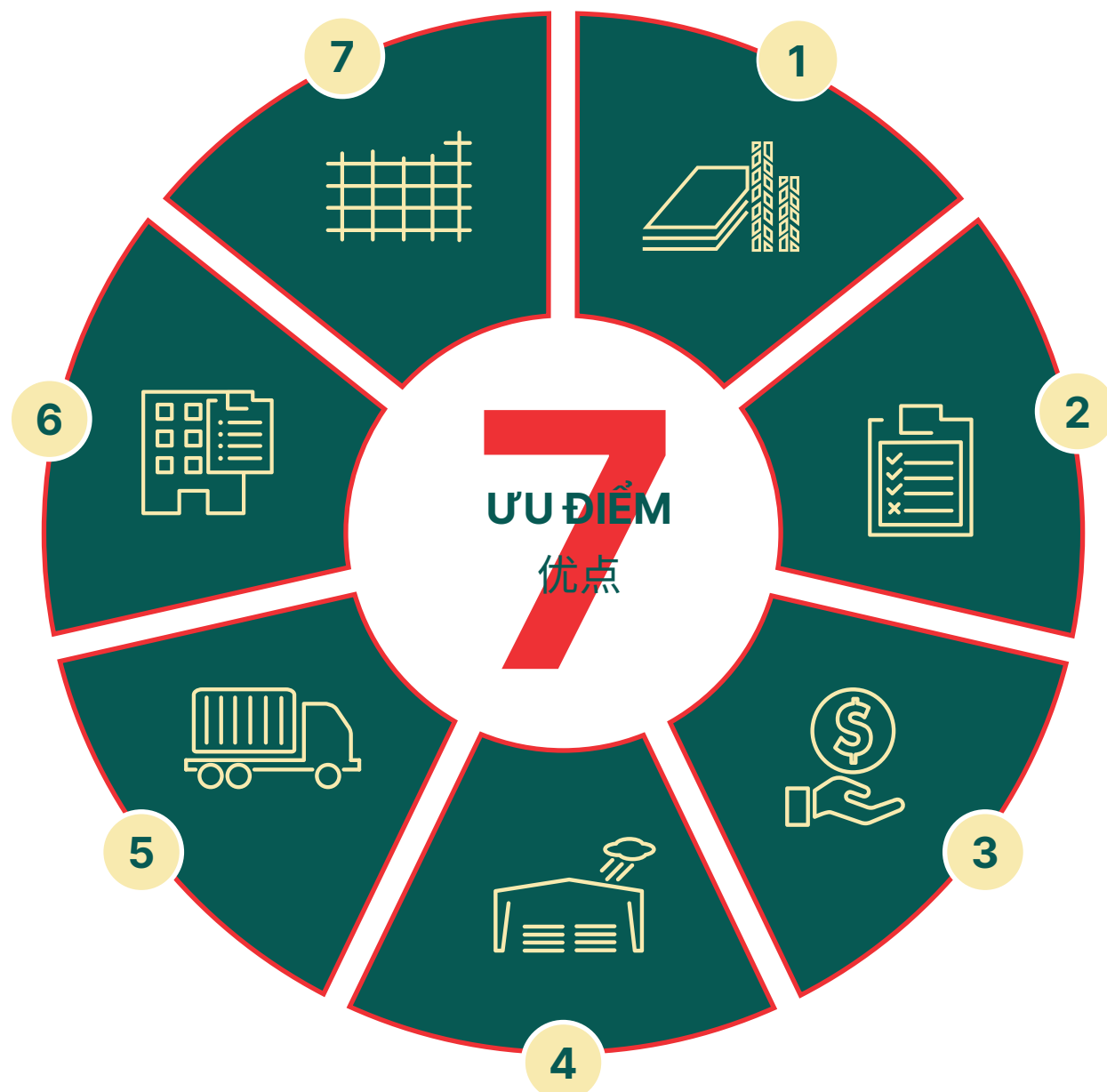


2.2 THÔNG SỐ KỸ THUẬT | 技术参数

STT 序号	TIÊU CHUẨN 标准	MÁC THÉP 钢牌	CƠ TÍNH 物理规格			ĐẶC TÍNH UỐN 弯曲特性		LOẠI THÉP ÁP DỤNG 适用钢种
			Giới hạn chảy 屈服极限(RE) N/mm ²	Giới hạn bền 抗拉强度(Rm) N/mm ²	Độ giãn dài 延伸率(%)	Góc uốn 弯曲角度 (O)	Đường kính lưới uốn 卷曲网直径	
1	JIS G3505 (Nhật Bản/日本)	SWRM 6 SWRM 22						Thép cuộn/ 钢卷
		SR 235 (SR 24)	235 min	380-520	20min. với D<25 24min. với D≥25	180°	3D	Thép tròn trơn/ 圆钢
		SR 295 (SR 30)	295 min	440-600	18min. với D<25 20min. với D≥25	180°	3D với D≤16 4D với D>16	D10~D32
2	JIS G3112 (Nhật Bản/日本)	SD 295A (SD 30A)	295 min	440-600	16min. với D<25 18min. với D≥25	180°	3D với D≤16 4D với D>16	Thép thanh vân/ 螺纹钢 D10~D43
		SD 295B (SD 30B)	295-390	440 min	16min. với D<25 18min. với D≥25	180°		
		SD 345 (SD 35)	345-440	490 min	18min. với D<25 20min. với D≥25	180°		
		SD 390 (SD 40)	390-510	560 min	16min. với D<25 18min. với D≥25	180°	5D	
		SD 490 (SD 50)	490-625	620 min	12min. với D<25 14min. với D≥25	90°	5D với D≤25 5D với D>25	
3	TCVN 1651- 1985 (Việt Nam/越南)	CI	240 min	380 min	25 min	180°	0.5D	Thép tròn trơn & Thép cuộn/ 圆钢 & 钢卷
		CII	300 min	500 min	19 min	180°	3D	Thép thanh vân/ 螺纹钢
		CIII	400 min	600 min	14 min	90°	3D	
		CIV	600 min	900 min	16 min	45°	3D	
4	TCVN 1651- 1985 (Việt Nam/越南)	CB 300-V	300 min	450 min	19 min	160°±180°	3D với D≤16 4D với 16<D≤25	Thép thanh vân/ 螺纹钢
		CB 400-V	400 min	570 min	14 min	160°±180°	4D với D≤16 5D với 16<D≤25	
		CB 500-V	500 min	650 min	14 min	160°±180°	5D với D≤16 6D với 16<D≤25	
5	BS 4449-1997 (Anh Quốc/ 英国)	Gr 250	250 min	(Rm/Re)min = 1.15	22 min		2D	Thép thanh vân/ 螺纹钢
		Gr 460A	460 min	(Rm/Re)min = 1.05	12 min	45° (uốn đi & uốn lại)	5D với D≤16	
		Gr 460B	460 min	(Rm/Re)min = 1.08	14 min		7D với D>16	
6	ASTM A615 A615M - 00 (Hoa Kỳ/美国)	Grade 40	300 min	500 min	D10: 11 min D13, 16, 19: 12 min	180°		Thép thanh vân/ 螺纹钢 D10~D19
		Grade 60	420 min	620 min	D10, 13, 16, 19: 12 min D22, 25: 8 min D29, 32: 8 min	180°	D10, 13, 16: 3.5D D19 22, 25: 5D D29, 32, 36: 7D	Thép thanh vân/ 螺纹钢 D10~D36

2. THÉP XÂY DỰNG | 建筑钢材

2.3. TẠI SAO CHỌN THÉP XÂY DỰNG ĐẠI NGHĨA 为什么选择大义建筑钢材



1. ĐA CHủng LOẠI

Với các đối tác thân thiết là những nhà sản xuất thép uy tín trong và ngoài nước như: Pomina, Hòa Phát, Vinakyoel, Tungpho... Đại Nghĩa có khả năng cung cấp đa chủng loại thép tùy thuộc theo yêu cầu sử dụng của khách hàng trong ngành xây dựng nói riêng và ngành thép nói chung.

2. ĐẠT TIÊU CHUẨN TRONG NƯỚC & QUỐC TẾ

Các sản phẩm thép do Đại Nghĩa cung cấp đều đạt các tiêu chuẩn trong nước TCVN và tiêu chuẩn quốc tế như ASTM, JIS, EURO...phù hợp với nhiều phân khúc nhu cầu khác nhau.

3. GIÁ THÀNH PHÙ HỢP

Với hệ thống đối tác thân thiết & hệ thống kho bãi lớn, Đại Nghĩa luôn bắt kịp thời gian, xu hướng giá thép để tích lũy sẵn lượng thép lớn, qua đó, có khả năng cung cấp tới Khách hàng giá cả bình ổn theo dòng thị trường.

4. ĐÁP ỨNG NHU CẦU LỚN

Nhờ việc luôn tồn kho hàng có sẵn với số lượng lớn, Đại Nghĩa luôn đáp ứng được đối với các đơn hàng có số lượng lớn và siêu lớn, giúp không gây cản trở trong tiến độ thi công của công trình xây dựng.

5. GIAO HÀNG LINH HOẠT

Với đội xe vận chuyển thép trực thuộc Đại Nghĩa, chúng tôi có khả năng giao hàng nhanh chóng, linh hoạt đến tận nơi công trình xây dựng từ Nam ra Bắc, tạo sự tiện ích cho khách hàng.

6. TƯ VẤN THEO NHU CẦU

Đối với các đơn hàng thép phục vụ công trình xây dựng có tính chất đặc thù, Đại Nghĩa tư vấn giúp Quý khách hàng xác định được số lượng, chủng loại & tiêu chuẩn kỹ thuật Thép, giúp Khách hàng dễ dàng ra quyết định mua hàng hoặc đổi trả.

7. TÍCH HỢP DỊCH VỤ GIA CÔNG SẴN

Với hệ thống dây chuyền gia công cốt thép hiện đại, Đại Nghĩa đáp ứng được nhu cầu gia công thành phẩm sẵn phục vụ công trình xây dựng sẵn như Lưới Thép Hàn,...giúp khách hàng tiết kiệm được thời gian thi công công trình hơn thực hiện đan lưới thép bằng thủ công.

1. 多种类型

我们所有的原材料由威信合伙方提供的正品原材料,如:Pomina, 和发, Vinakyoel, 南方钢铁, Tungpho.大义有的能力是供应的多种类型钢取决于根据客户要求客户的在建筑业特别是和钢铁行业普遍。

2. 达到標準国内和国际的

钢产品由大义的供应都有达到国内与国际的当前生产标准如, TCVN, ASTM, JIS, EURO... 合适的许多不同的需求细分市场

3. 合理的价格

凭借紧密的合作伙伴和庞大的仓储系统, 大义可以及时分析把握钢材价格走势, 积累大量钢材库存, 从而能够根据客户的需求提供稳定的价格。

4. 满足大批量需求

由于有大量现货供应, 大义能够应对大批量订单, 不妨碍项目的施工进度。

5. 灵活的交付服务

拥有大义旗下的运输车队, 我们能够快速、灵活地将货物从南方到北方运送到工地, 为客户带来很多便利。

6. 按需咨询服务

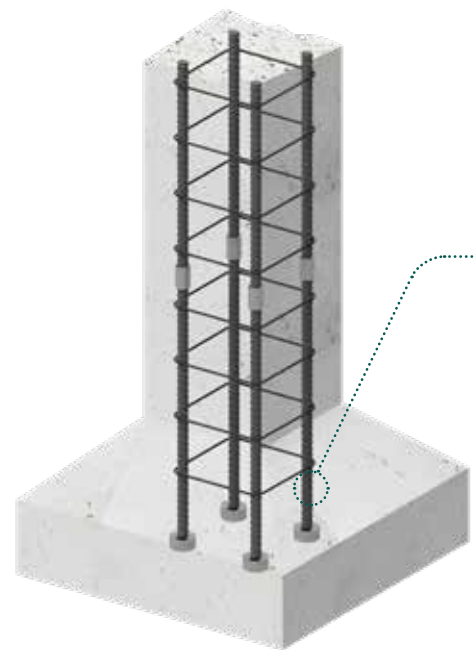
对于特殊建筑工程的钢材订单, 大义将给客户进行咨询服务, 帮助客户确定钢材的数量、类型和技术标准, 方便客户采购或者退换产品。

7. 结合预制业务

凭借现代化的钢筋加工系统, 大义可以满足预制项目的现成产品的需求, 例如焊接钢筋网等。比手工编织钢网的过程更节省项目施工时间。

2. THÉP XÂY DỰNG | 建筑钢材

2.4. ỨNG DỤNG THÉP CỐT XÂY DỰNG 建筑钢材应用



1. KẾT CẤU MÓNG

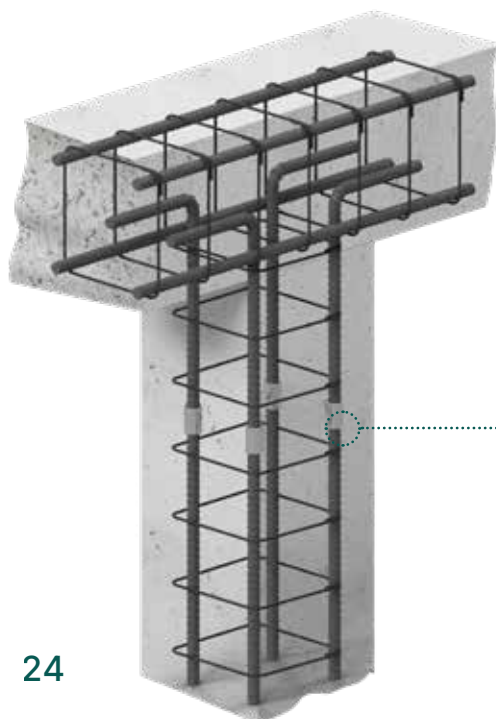
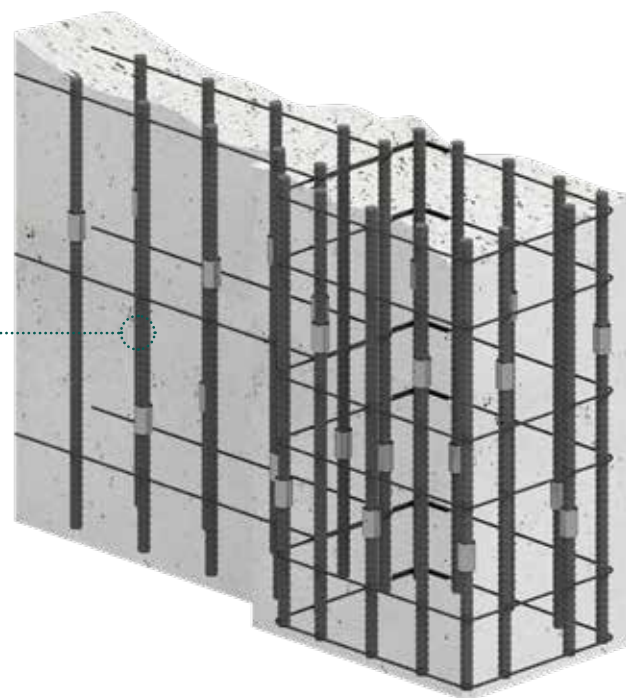
Ứng dụng trong cốt thép đáy móng, cổ móng...

1. 基础结构。
在基础钢筋, 基础颈部加固中的应用...

2. KẾT CẤU TƯỜNG VÂY & VÁCH CỨNG

Cốt thép trong tường vây, vách cứng

2. 舱壁和隔膜壁结构
舱壁和隔膜壁中钢加强



3. KẾT CẤU CỘT

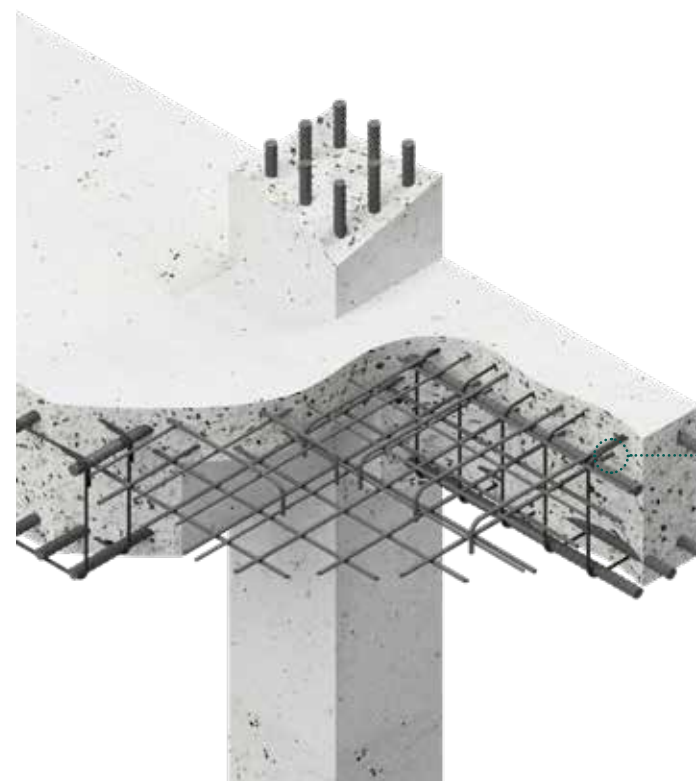
Ứng dụng cốt thép trong kết cấu cột như cốt thép trụ, thép đai...

3. 柱子结构
柱子结构中钢加强中的应用, 如柱钢、带钢...

4. KẾT CẤU DẦM

Ứng dụng cốt thép trong kết cấu dầm như: Thép khung (thanh vằn), thép đai (cuộn)

4. 梁结构
梁结构中钢加强中的应用, 如螺纹钢、卷钢...



5. KẾT CẤU SÀN

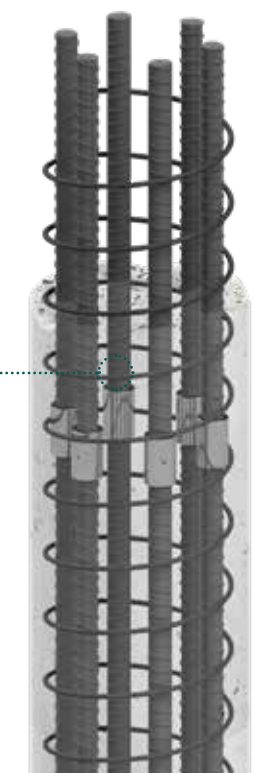
Ứng dụng cốt thép trong kết cấu sàn như: Lưới thép hàn, thép thanh vằn, gối kê thép..

5. 地面结构
地面结构中钢加强中的应用, 如焊接钢网, 螺纹钢、钢垫片...

6. CẤU KIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP ĐÚC SẴN

Ứng dụng trong các kết cấu cấu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn như: móng cọc, cầu, cống, hầm...

6. 预制钢筋混凝土结构
预制钢筋混凝土结构中的应用, 如钢筋混凝土基础, 桥, 涵洞, 隧道.



2. THÉP XÂY DỰNG | 建筑钢材

2.5 BẢN ĐỒ CÔNG TRÌNH THÉP ĐẠI NGHĨA CUNG CẤP 大义提供的工程钢地图



3. THÉP CUỘN, TẤM | 钢卷, 板

Đại Nghĩa kinh doanh nhiều chủng loại thép khác nhau, được sản xuất bởi nhiều đối tác uy tín ở Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản, đảm bảo được nguồn cung cấp ổn định, với giá cả cạnh tranh nhất và chất lượng đạt chuẩn quốc tế như ASTM, BS, JIS.

大义经营多种类型钢材, 由威信合伙方 提供的正品原材料, 如: 越南, 韩国, 日本... 保证的供应安定和最具竞争力的价格和能满足所有国际标准, 如: ASTM (美国), JIS (日本), BS.



THÉP TẤM CÁN NÓNG
热轧钢板



THÉP TẤM GÂN CÁN NÓNG
热轧方格碳钢板



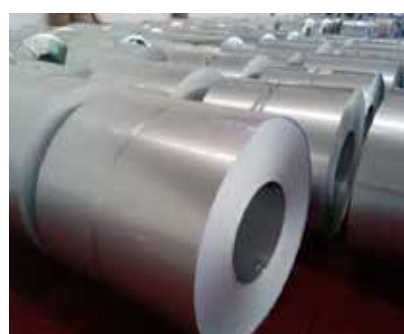
THÉP CÁN NGUỘI MÀU
彩色涂冷轧钢



THÉP LÁ MẠ CRÔM
钢镀锡



THÉP CUỘN CÁN NÓNG
热轧钢卷



THÉP LÁ MẠ NHÔM
铝包钢片



THÉP LÁ MẠ KẼM
镀锌钢带



THÉP CÁN NGUỘI
冷轧钢



THÉP KẼM MÀU
彩涂镀锌钢



THÉP CÁN NGUỘI NHỮ XANH
绿彩冷轧钢



THÉP KẼM LẠNH MÀU
彩色涂冷锌钢



THÉP CÁN NGUỘI NHỮ XÁM
彩色涂冷轧钢



THÉP LÁ MẠ THIẾC
电解马口铁钢板

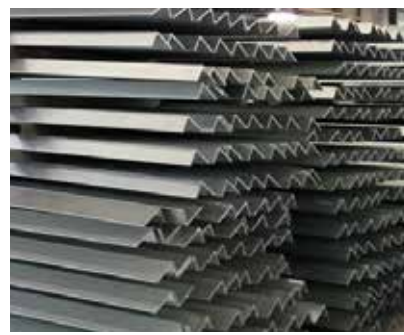
4. THÉP HÌNH I 型钢



THÉP TRÒN
圆钢



THÉP RAY
轨道钢



THÉP HÌNH L
L 型钢



THÉP HÌNH I
I 字钢



THÉP HÌNH H
H 型钢



THÉP HÌNH U
U 型钢



THÉP HÌNH V
V 型钢



XÀ GỖ THÉP C
C 型钢



XÀ GỖ THÉP Z
Z 型钢

5. THÉP HỘP, ỐNG I 钢空心截面



THÉP ỐNG HỘP ĐEN
黑色方矩管钢



THÉP ỐNG HỘP MẠ KẼM
镀锌方矩管钢



THÉP ỐNG TRÒN ĐEN
黑色圆管钢



THÉP ỐNG TRÒN MẠ KẼM
镀锌圆管钢



THÉP ỐNG ĐÚC
无缝钢管



PHỤ KIỆN THÉP ỐNG
钢管配件



6. LƯỚI THÉP HÀN | 焊接钢网

6.1 GIỚI THIỆU LƯỚI THÉP HÀN ĐẠI NGHĨA 大义焊接钢筋网介绍

Bỏ qua các bước đan lưới thép thủ công, chúng tôi tin sản phẩm của Đại Nghĩa sẽ giúp cho các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công các hạng mục liên quan Lưới Thép Hàn, góp phần đẩy nhanh tiến độ công trình.

省去了手工编织钢筋网的步骤, 我们相信本公司的产品将帮助承包商加快相关焊接钢筋网项目的施工进度, 加快项目进程。

 **Lưới thép tiêu chuẩn**
标准焊接钢网



 **Lưới thép hàn gân**
带肋焊接钢网



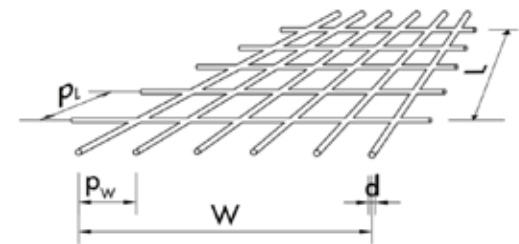
 **Lưới thép hàn trơn**
素焊接钢网



 **Lưới thép bẻ đầu**
弯钢电焊网



6.2 THÔNG SỐ KỸ THUẬT | 技术参数



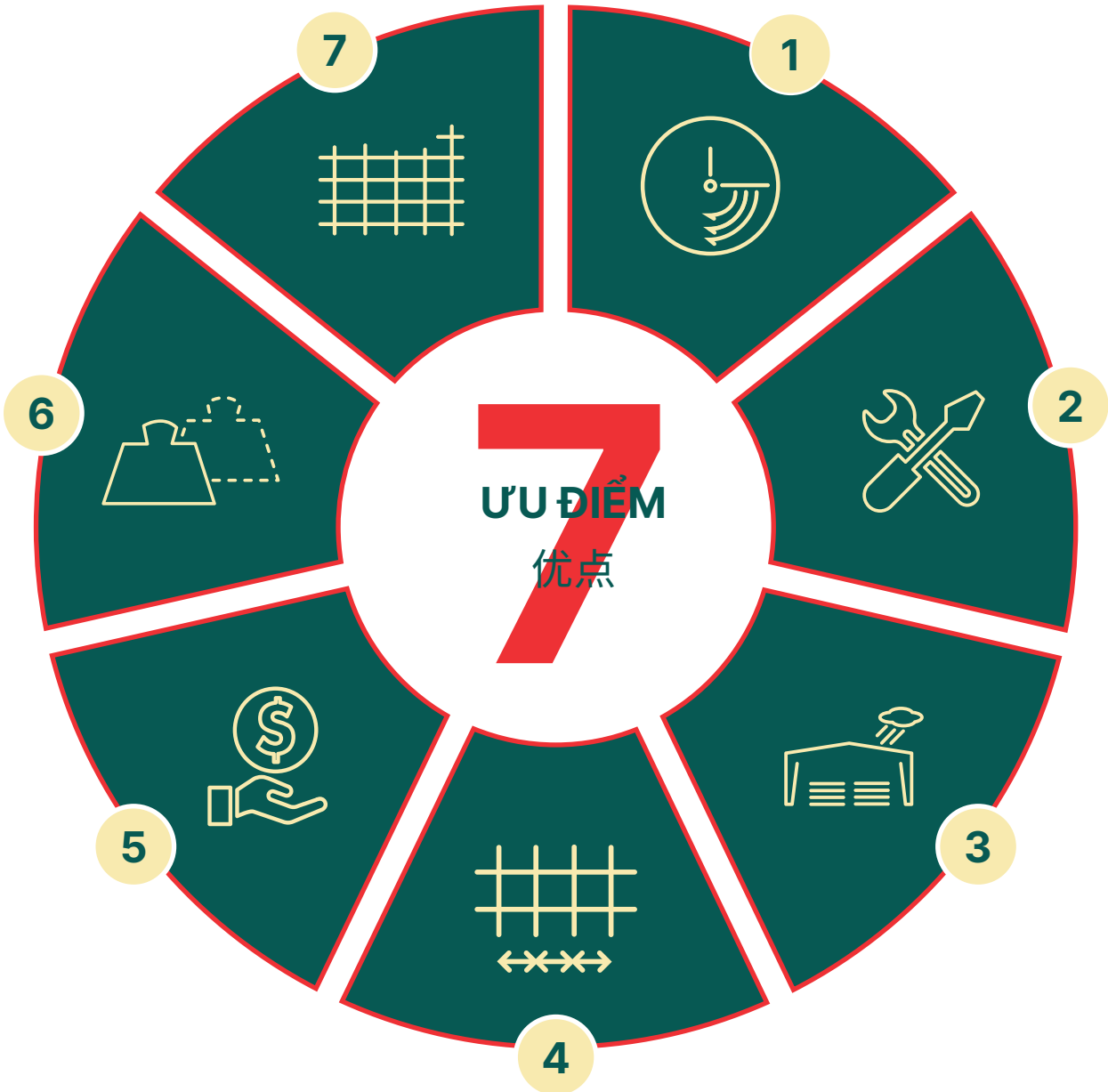
THÔNG SỐ KỸ THUẬT 规格			
DANH MỤC 类别	ĐƠN VỊ 单元	KÝ HIỆU 象征	GIÁ TRỊ 價值
Đường kính sợi thép 钢线材直径	(mm)	d	4 ~ 12
Chiều rộng khổ lưới 网眼宽度	(mm)	W	1.000 ~ 3.000
Chiều dài khổ lưới 网眼长度	(mm)	L	6.000 ~ 12.000
Bước lưới phương ngang 网格步宽度	(mm)	P _W	50, 100, 150, 200, 250
Bước lưới phương dọc 网格步长度	(mm)	P _L	100 ~ 400
Giới hạn chảy 屈服强度	(N/m²)		400 ~ 485
Giới hạn bền 抗拉强度	(N/m²)		500 ~ 650

*Khi có yêu cầu về quy cách Lưới thép hàn đặc biệt, Quý khách vui lòng liên hệ với chúng tôi để được tư vấn
请联系我们寻求建议, 当您对特殊电焊网规格有要求时。*



6. LƯỚI THÉP HÀN | 焊接钢网

6.3 ƯU ĐIỂM LƯỚI THÉP HÀN ĐẠI NGHĨA 大义焊接钢网优点



1. THI CÔNG & LẮP ĐẶT NHANH CHÓNG

Lưới Thép Hàn được gia công sẵn ở nhà máy và chỉ vận chuyển đến công trường lắp đặt nên thời gian thi công rút ngắn còn 1/3 so với thời gian thi công nhà bê tông truyền thống, giúp nhanh chóng đưa công trình vào sử dụng.

2. TRỌNG LƯỢNG NHÉ HƠN

Trước khi gia công hàn lưới thép, các dây thép được kéo giãn để gia tăng cường độ chịu lực và giảm đường kính của thép dây, do đó, trọng lượng thép giảm, cường độ lưới thép đảm bảo theo tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam.

3. BẢO QUẢN TỐT

Lưới thép hàn được sản xuất và được lưu trữ trong nhà máy nên không bị ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm do sự tác động của yếu tố thời tiết, tránh được hao hụt, thất thoát nguyên vật liệu tại công trường, giúp nhà thầu yên tâm lên kế hoạch sử dụng mặt bằng thi công tại công trường hiệu quả hơn.

4. QUY CÁCH SÀN PHONG PHÚ

Không chỉ đối với các biên dạng sàn vuông vức, lưới thép hàn gia công sẵn còn được thiết kế và gia công theo quy cách, bản vẽ thiết kế và theo yêu cầu khách hàng ,...

5. GIẢM CHI PHÍ

Việc thi công các hạng mục sàn bê tông bằng lưới thép hàn làm giảm trực tiếp và gián tiếp các chi phí như: nhân công gia công, phí bảo quản, giám sát tại công trường, chi phí mặt bằng xây dựng, đẩy nhanh tiến độ...

6. ĐỘ LINH HOẠT CAO

Việc vận chuyển, lắp đặt hoặc thay thế lưới thép hàn trở nên vô cùng đơn giản và thuận tiện

7. CHẤT LƯỢNG ĐỒNG ĐỀU

Lưới thép hàn được gia công hoàn toàn tự động bằng dây chuyền sản xuất, do đó, khoảng cách bước lưới đồng đều, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và thẩm mỹ.

1. 快速施工和安装

焊接钢筋网在工厂预制好,只运输到现场安装,所以施工时间比传统混凝土施工方法的时间缩短1/3,助于工程快速投入使用

2. 减轻重量

钢筋在加工焊接前,通过拉钢筋提高钢筋强度,减小直径,从而减轻钢材重量,按照越南建筑标准保证钢筋网片强度。

3. 良好的存放

焊接钢筋网将在工厂制造与存放,因此产品质量不受天气因素的影响,避免现场材料损失,让承包商可以放心上计划使用施工现场更高效。

4. 特殊地板规格

不仅用于方形地板,大义预加工焊接钢筋网还能设计与加工满足客户的要求的各种规格和方案等,...

5. 降低成本

焊接钢网可用于混凝土楼板施工,减少了直接和间接生产成本,如:人工费、维修费、现场监理费用、加快进度费用等。

6. 灵活性高

焊接钢网的运输、安装或者更换变得极其简单和方便。

7. 质量均匀

采用自动生产线进行生产焊接钢筋网,钢筋间距均匀,保证技术和美观要求。

6. LƯỚI THÉP HÀN | 焊接钢网

6.4 ỨNG DỤNG LƯỚI THÉP HÀN ĐẠI NGHĨA 大义焊接钢网应用

1. SÀN NHÀ XƯỞNG

Lưới thép hàn được ứng dụng làm cốt thép sàn trong các công trình nhà xưởng cần đổ sàn với diện tích lớn

1. 工厂地板

电焊网在申请大面积浇筑楼板的厂房中用作地板加固



2. CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Lưới thép hàn được ứng dụng ở các kết cấu trong các công trình thủy lợi như: đập nước, kè, đê...

2. 灌溉工程

电焊网已申请在纹理在灌溉工程中作为如水坝、堤防



3. CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Lưới thép hàn được ứng dụng trong kết cấu các công trình giao thông như: trạm xăng, trạm thu phí, cầu, đường bê tông, bãi đỗ xe

3. 交通工程

电焊网已申请在纹理在交通工程中作为如：加油站、收费站、桥梁、混凝土道路停车场等交通工程..



5. NHÀ CAO TẦNG

Lưới thép hàn là thành phần cốt thép trong các sàn hoặc tường bê tông của các nhà cao tầng.

5. 高层建筑

电焊网是高层建筑混凝土地面或墙体中的一种加固元件。



GIA CÔNG & SẢN XUẤT

1. NHÀ MÁY SẢN XUẤT

2. QUY TRÌNH SẢN XUẤT - KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

3. HỆ THỐNG MÁY MÓC - THIẾT BỊ

4. CÔNG CỤ GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG

加工 & 生产

1. 生产工厂

2. 生产和质量控制程序

3. 机器设备系统

4. 质量监察工具



1. NHÀ MÁY SẢN XUẤT | 生产工厂

Nhà máy sản xuất đặt tại KCN VSIP II, tỉnh Bình Dương với khu vực địa phương có lực lượng lao động tay nghề cao và giao thông thuận tiện.

- Vị trí địa lý cách sân bay, cách cảng quốc tế hơn 1 giờ di chuyển xe.
- Hệ thống máy móc hiện đại, sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

- Diện tích: 35.000m²
- Kết cấu thép: 2.500 tấn/tháng
- Lưới thép hàn: 1.500 tấn/tháng
- Xà gồ: 500 tấn/tháng
- Bao che: 200.000 m²/tháng

生产工厂位于VSIP II 平阳是钢铁制造高技能劳动力较多的地方，交通便利的地区。

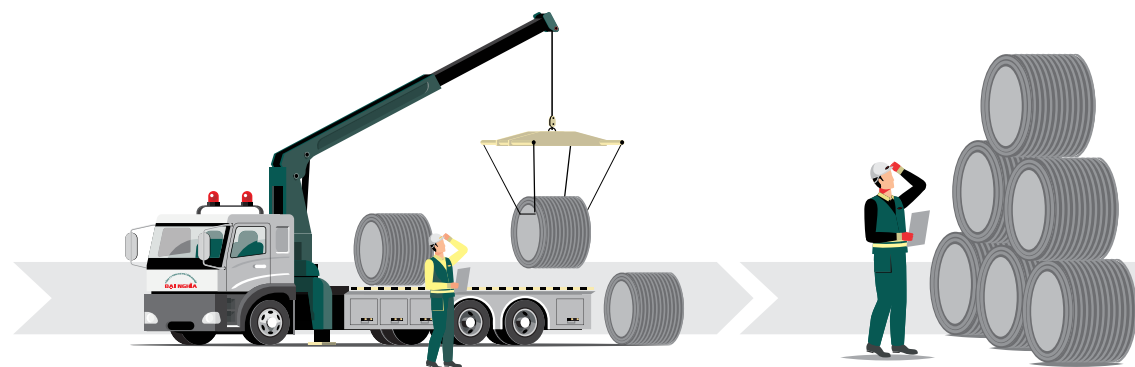
- 距离机场，海港约 1 小时车程。
- 生产机械新，布局整齐

生产能力

- 面积: 35.000遮盖系统
- 钢结构: 2.500吨/月
- 焊接钢网: 1.500吨/月
- 檩条: 500吨/月
- 遮盖: 200.000遮盖系统/月



2. QUY TRÌNH SẢN XUẤT - KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG 生产和质量控制程序

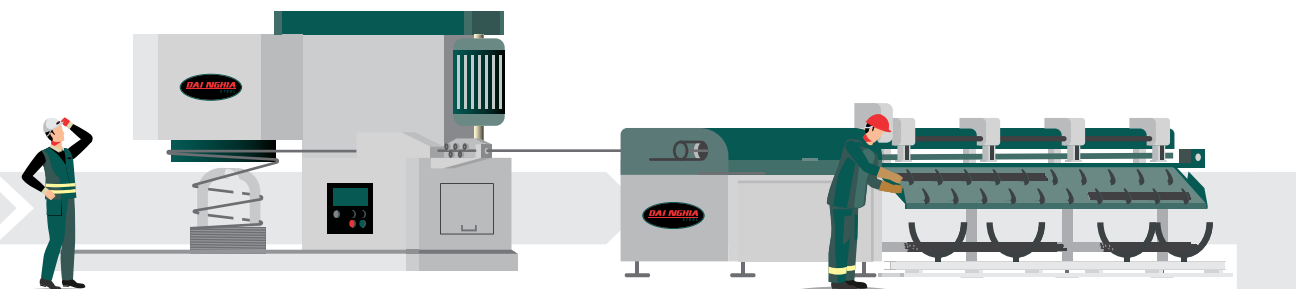


Nhận nguyên vật liệu 原材料输入

- 1 Kiểm tra chứng nhận/ 证书检查
- 2 Kiểm tra CO/CQ/ CO/CQ检查

Chuẩn bị nguyên liệu 原材料准备

- 1 Kiểm tra mác thép/ 钢级检查,
- 2 Kiểm tra đường kính/ 直径检查

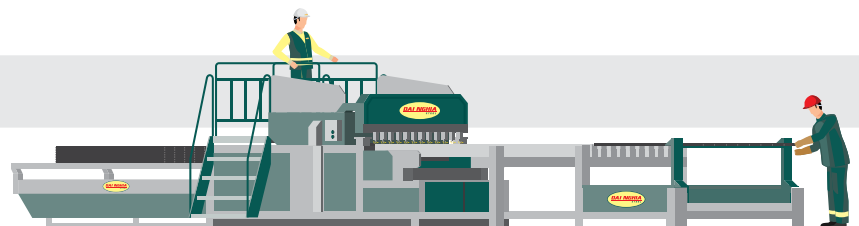


Kéo thép | 伸展钢

- 1 Kiểm tra bề mặt sau kéo
伸展后表面检查
- 2 Kiểm tra đường kính sợi thép sau kéo
伸展后线材直径检查
- 3 Kiểm tra cường độ sợi thép sau kéo
伸展后线材强度检查

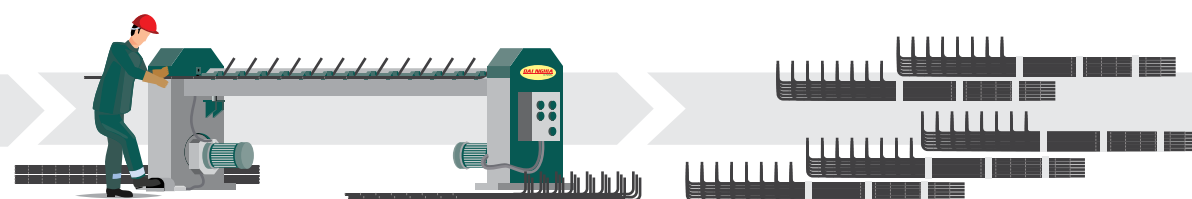
Cắt thép | 切割钢

- 1 Kiểm tra chiều dài/ 长度检查
- 2 Kiểm tra độ thẳng/ 直线度检查
- 3 Kiểm tra bề mặt, ngoại quan
表面检查, 外部检查



Hàn lưới | 焊接网

- 1 Kiểm tra kích thước bước hàn theo bản vẽ
焊接步骤尺寸检查按照图纸
- 2 Kiểm tra ngoại quan mỗi hàn và độ vuông góc giữa 2 bước lưới
焊缝外部检查和两个网格步之间的垂直度.



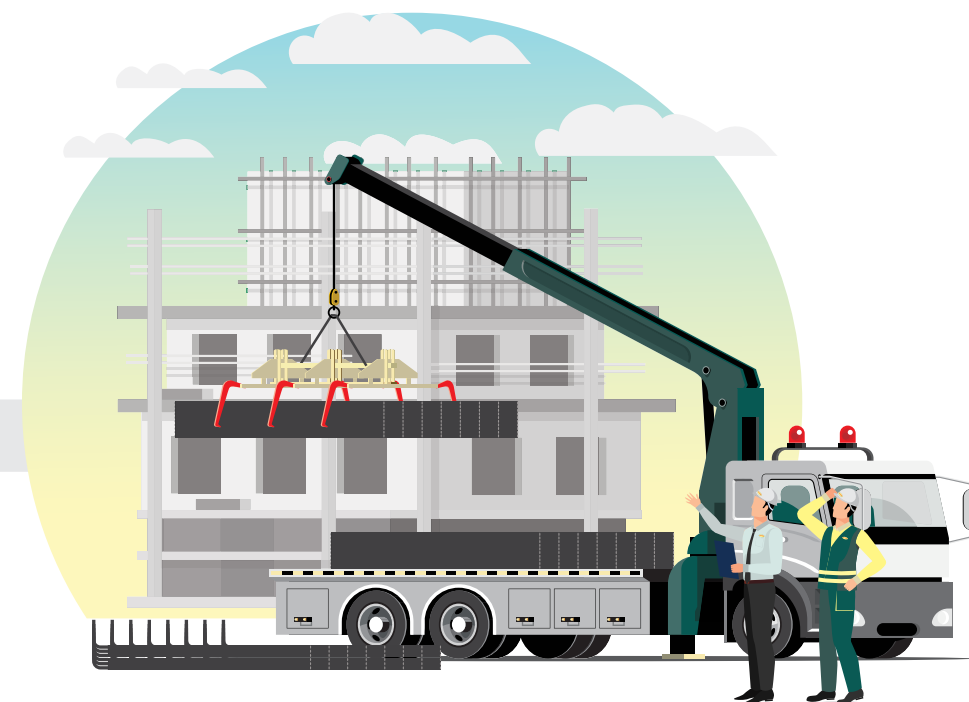
Uốn bẻ lưới | 网型弯管

- 1 Kiểm tra chiều dài đầu thừa và góc độ bẻ theo bản vẽ
弯曲角度和多余的头长度检查按照图纸

Đóng gói thành phẩm | 包装

- 1 Kiểm tra tổng thể kích thước công đoạn trước
上一阶段的整体尺寸检查
- 2 Kiểm tra tem và số lượng theo đơn đặt hàng
邮票和数量按照命令的检查
- 3 Đai kiện hàng theo trọng lượng của khách hàng
按照的产品重量打包带

Vận chuyển ra công trường 运输到工地



3. HỆ THỐNG MÁY MÓC THIẾT BỊ 机器设备系统

2.1 DANH SÁCH MÁY MÓC THIẾT BỊ | 机器设备清单

STT 序号	DANH MỤC 类别	ĐƠN VỊ 单元	SỐ LƯỢNG 金额
1	Máy kéo nhỏ đường kính thép 立式钢线 拉丝机	Cái 部	2
2	Máy xử lý bề mặt dây thép 钢卷线材机械除鳞设备抛丸机	Cái 部	2
3	Máy cắt thép dây 线钢材切割机	Cái 部	2
4	Giá đỡ thành phẩm 成品架	Cái 部	2
5	Máy hàn lưới thép 焊接钢网机	Cái 部	2
6	Máy dẫn lưới thép hàn 电焊网导向机	Cái 部	2
7	Thiết bị dây chuyền hàn lưới thép tự động 自动电焊网机设备	Chuyên 线路	2
8	Máy cắt lưới thép 网钢切割机	Cái 部	2
9	Máy bẻ đầu lưới thép hàn 电焊网折弯机	Cái 部	2



2.2 HÌNH ẢNH MÁY MÓC THIẾT BỊ | 机器设备照片

Hệ thống dây chuyền máy móc hiện đại được Đại Nghĩa đầu tư nhằm đảm bảo chất lượng thành phẩm đạt tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và quốc tế.

大义投资现代机器线的保证质量的产品管标准施工越南和国际



- ① MÁY KÉO NHỎ ĐƯỜNG KÍNH THÉP
- ② MÁY XỬ LÝ BỀ MẶT DÂY THÉP
- ③ MÁY CẮT THÉP DÂY
- ④ MÁY HÀN LƯỚI THÉP

立式钢线拉丝机
钢卷线材机械除鳞设备抛丸机
线钢材切割机
焊接钢网机

3. HỆ THỐNG MÁY MÓC THIẾT BỊ 机器设备系统

Các dây chuyền máy móc đảm bảo sản xuất với số lượng lớn và chất lượng đồng đều nhờ những dây chuyền cỡ lớn được nhập khẩu tại các quốc gia có nền công nghiệp cơ khí chế tạo hiện đại nhất như: Ý, Mỹ, Nhật, Đức

机器自动效率的机械线，帮助保证的生产与统一的质量和大量均系统自意大利、美国、日本，德国进口的现代机械设备为基础。



- ① THIẾT BỊ DÂY CHUYỀN HÀN LƯỚI THÉP TỰ ĐỘNG
- ② MÁY BÉ ĐẦU LƯỚI THÉP
- ③ MÁY CẮT LƯỚI THÉP

自动电焊机设备
电焊网折弯机
网钢切割机

4. THIẾT BỊ GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG 质量监察工具

STT 序号	DỤNG CỤ THIẾT BỊ 工具 & 设备	CHỨC NĂNG 功能	HÌNH MINH HỌA 插图
1	THƯỚC CUỘN KIM LOẠI 金属卷尺	Kiểm tra kích thước của nguyên vật liệu và sản phẩm 检查产品与原材料规格	
2	THƯỚC Ê KE VUÔNG 直角尺	Kiểm tra độ vuông góc của nguyên vật liệu và sản phẩm 检查产品与原材料的直角	
3	THƯỚC LÁ 卷尺	Kiểm tra kích thước của nguyên vật liệu và sản phẩm 检查产品与原材料规格	
4	THƯỚC CẶP 夹尺	Kiểm tra độ dày và đường kính nguyên vật liệu và sản phẩm 检查产品与原材料的直径与厚度	
5	THƯỚC ĐO GÓC 角尺	Kiểm tra góc của sản phẩm 检查产品之角	
8	MÁY KÉO THỬ CƯỜNG ĐỘ CHỊU LỰC THÉP 钢材强度试验机	Kiểm tra cường độ chịu lực của thép 钢材强度试验	



CHƯƠNG IV | 第四章

GIAO NHẬN

1. GIAO NHẬN
2. HỆ THỐNG GIÁM SÁT & KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG TẠI CÔNG TRÌNH
3. YÊU CẦU LẮP ĐẶT LƯỚI THÉP HÀN
4. PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM

货物交付

1. 交货
2. 质量监察与检查系统
3. 焊接钢网安装要求
4. 试验方法

1. GIAO NHẬN | 交货

Với hệ thống đóng gói, cầu hàng hóa và đội xe cầu hàng chuyên dụng, Đại Nghĩa đảm bảo việc giao nhận cho Khách hàng với những tiêu chí sau:

- Hàng hóa được cầu lên và sắp đặt lên xe hoặc xuống công trình không bị công vênh, biến dạng
- Hệ thống giám sát chất lượng qua mỗi bước thao tác
- Giao nhận kịp thời, đúng tiến độ công trình
- Giao hàng tại công trình



本公司拥有包装、起重货物系统和专业起重机车队, 确保按照以下标准交付给客户:

- 货物在车上或者送到工地时, 在起吊装卸的过程中不出现歪斜或变形的状态。
- 有质量监控系统贯穿每一步操作。
- 按照工程进度按时交货。
- 现场交货。



2. HỆ THỐNG GIÁM SÁT & KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG TẠI CÔNG TRƯỜNG

STT 序号	YÊU CẦU KIỂM TRA 检查要求	PHƯƠNG PHÁP 方法	KẾT QUẢ 结果	KÍCH THƯỚC & DUNG SAI CHO PHÉP 尺寸和公差允许 (Δ)	THỜI ĐIỂM KIỂM TRA 时间检查
01	Trình mẫu lưới thép hàn theo thiết kế và biện pháp được duyệt 根据批准的设计和措施提交电焊网样品	Thí nghiệm kéo, uốn và cắt mỗi hàn 拉伸、弯曲和切割焊缝测试	Chấp thuận mẫu lưới thép hàn và lưu mẫu tại công trình Chấp thuận cho nhập lưới thép hàn về công trình theo thông tin mẫu lưới thép hàn TN đạt 接受焊接网样品并将样品存放在施工现场。 根据电焊网样品检测合格的信息，批准电焊网进口到项目	Qui cách mẫu : 600×600mm Số lượng : 03 mẫu 样品规格: 600×600mm 数量: 03 样品	Trước khi nhập hàng đại trà về công trình 将所有产品导入工地前
02	Phiếu giao hàng và chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất 交付报告, 制造商的质量证书	Theo thiết kế được duyệt và khối lượng yêu cầu đặt hàng 根据批准的设计和订购所需的数量	Đúng thông tin yêu cầu trên phiếu giao hàng và chứng chỉ Trên tấm lưới còn nguyên tem nhãn của nhà sản xuất 完全符合交货单和网上证书上要求的信息，制造商的标签完好无损		Mỗi lần nhận hàng 每次收到货
03	Đường kính sợi thép 线材直径	Đo đường kính bằng thước kẹp cơ khí 用机械卡尺测量直径	Đồng đều về kích thước tiết diện, đúng đường kính yêu cầu 焊网尺寸必须稳定，直径符合要求	D≤5: Δ = ±4% 5<D≤9: Δ = ±4.5% D≤5: Δ = ±4% 9<D : Δ = ±5%	
04	Kích cỡ tấm lưới (LxB) 焊接网尺寸 (LxB)	Đo bằng thước thép 用钢尺测量	Đúng kích thước theo phiếu giao hàng và yêu cầu 根据交货单和要求选择合适的尺寸	±25mm	
05	Bước sợi dọc, ngang (P _d , P _n) 翘曲步骤, 纬纱步骤 (Pd, Pn)	Đo bằng thước thép 用钢尺测量	Đúng kích thước theo phiếu giao hàng và yêu cầu 根据交货单和要求选择合适的尺寸	±15mm	
06	Mỗi hàn 焊接接头	Bằng mắt Thí nghiệm lực cắt mỗi hàn (Q _n) 视觉的. 焊接接头切削力试验 (Q _n)	Số lượng các mối hàn gãy trên một tấm không vượt quá 1% tổng số mối hàn trên tấm đó. 每张焊接网的裂纹焊接接头数量不超过每张焊接网总焊接接头的1%	Lực cắt Trung bình ≥250x A (lưới trơn từ D5 -D12). Lực Cắt Trung Bình ≥140x A (lưới có gân D5-D12) 平均断裂应变 ≥250 x A (D5 - D12 的普通网格) 平均断裂应变 ≥140 x A (D5 - D12 的肋状网格)	

2. 质量监察与检查系统

STT 序号	YÊU CẦU KIỂM TRA 检查要求	PHƯƠNG PHÁP 方法	KẾT QUẢ 结果	KÍCH THƯỚC & DUNG SAI CHO PHÉP 尺寸和公差允许 (Δ)	THỜI ĐIỂM KIỂM TRA 时间检查
07	Bề mặt sợi thép 钢纤维表面	Bằng mắt 视觉的	Bề mặt sạch, không bị giảm tiết diện cục bộ 清洁表面，不损失局部区域		Mỗi lần nhận hàng 每次收到货
08	Cường độ sợi thép 钢线材强度	Lấy mẫu ngẫu nhiên trong lô hàng tại hiện trường để tiến hành thí nghiệm uốn kéo, uốn 在工地任意批次中选择一个样品进行弯曲/应变测试	Cường độ giới hạn chảy (σ _c), giới hạn bền của sợi thép (σ _b) Không xuất hiện nứt trên sợi thép khi thí nghiệm uốn Tần suất lấy mẫu TN: 25 tấn /1 tổ/3 mẫu Kích thước mẫu: 600×600 屈服强度 (σc),抗拉强度 (σb) 弯曲试验时钢纤维无裂纹出现 采样频率: 25吨/1窝/3个样品 样本量: 600x600	$\sigma_c \geq [\sigma_c]$ $\sigma_b \geq [\sigma_b]$ $[\sigma_c] = 485\text{Mpa}$ $[\sigma_b] \geq [\sigma_c] \times 1.1$	



3. YÊU CẦU LẮP ĐẶT LƯỚI THÉP HÀN

焊接钢筋网的安装要求

1	Các bộ phận lắp đặt trước không gây cản trở cho các bộ phận lắp đặt sau.	预装部件不会阻碍后装部件。
2	Có biện pháp ổn định vị trí lưới thép bằng các giá đỡ hoặc con kê, không để lưới thép bị biến dạng trong quá trình đổ bê tông.	应采取措施用支撑物或水泥垫块稳定钢筋网的位置，防止钢筋网在混凝土浇筑过程中变形。
3	Đối với lưới ô chữ nhật, phải đặt sao cho sợi dọc đúng theo phương chịu lực đã được chỉ rõ trong bản vẽ thiết kế.	对于矩形网，经线务必放置处于设计图纸中指定的受力方向。
4	Lớp bảo vệ bê tông phải đảm bảo theo quy định thiết kế.	混凝土保护层务必满足设计规定。
5	Các con kê cần đặt tại các vị trí thích hợp tùy theo mật độ cốt thép nhưng không vượt quá 1 m một điểm kê. Con kê có chiều dày bằng lớp bê tông bảo vệ cốt thép và được làm bằng các vật liệu không ăn mòn cốt thép, không tác động đến chất lượng của bê tông. Có thể bố trí những con kê bằng bê tông dưới lớp thép trong sàn khi sử dụng một lớp thép. Khi bố trí lưới thép hàn cho lớp thép chịu mô men âm thì phải dùng con kê thép. Sai lệch chiều dày lớp bảo vệ so với thiết kế không được vượt quá 5 mm;	水泥垫块务必根据钢筋的密度放置在适当的位置，但两个水泥垫块的距离不超过一米。水泥垫块与保护钢筋的混凝土层的厚度相等，由耐腐蚀钢筋的材料制成，不影响混凝土的质量。当使用一层钢时，混凝土支撑可以放置在地板中的钢下。布置承受负力矩的焊接钢筋网钢层时，务必使用钢铁水泥垫块。保护层与设计的厚度偏差不应超过5mm；
6	Đảm bảo chiều dài nối chồng giữa các lớp thép theo yêu cầu thiết kế và cấu tạo.	根据设计和结构要求，保证钢层之间的搭接长度。
7	Trước khi đổ bê tông phải xem xét đến mức độ gỉ của thép. Nếu lưới thép chỉ bị gỉ màu vàng do độ ẩm thì không cần đánh gỉ. Nếu lớp gỉ đã tạo thành vảy thì phải đánh sạch trước khi đổ bê tông. Gỉ được coi là quá mức cho phép nếu tiết diện ngang của sợi thép bị giảm vượt quá dung sai cho phép.	浇筑混凝土前务必检查钢筋网的锈蚀程度。若钢筋网因受潮生黄锈，则无需除锈。如果锈层已经形成片状老锈，则务必在浇筑混凝土前将其清理干净。若钢丝的横截面减小到超出允许的公差，则认为生锈过多。

4. PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM

测试方案

1	LẤY MẪU THỬ NGHIỆM 试验的样品 - Kích thước mẫu thí nghiệm: 600×600mm - Số lượng mẫu: 03 mẫu - Tần suất lấy mẫu TN: 25 tấn/ tổ/ 3 mẫu - Thử nghiệm phải được tiến hành trên mẫu thẳng, cắt ra từ tấm lưới nguyên. - Mẫu thử nghiệm không được gia nhiệt.	- 试验样品的尺寸: 600×600mm - 样品的数量: 03个。 - 采样试验比例: 25吨/组/03个。 - 试验应在从原钢网上采样的直钢样品上进行。 - 试验样品未加热。
2	THỬ NGHIỆM KÉO 拉力试验 KHI TIẾN HÀNH THỬ NGHIỆM KÉO, GIÁ TRỊ VÀ TỐC ĐỘ GIA TẢI CẦN TUÂN THEO CÁC QUY ĐỊNH SAU	进行拉力试验时，负载值和速度应符合以下规定 1秒内加载的力不要超过100N/mm²。 - 确定强度极限时，1秒内加载的力不要超过30N/mm² - 在确定屈服强度时，1秒内不要让应力增加超过 10N/mm²
3	THỬ NGHIỆM UỐN 弯曲试验 - Thử nghiệm uốn lại được tiến hành theo tiêu chuẩn TCVN 6287:1997 - Thí nghiệm được tiến hành ở nhiệt độ môi trường xung quanh. - Số lần uốn không vượt quá một lần uốn trong 1s. - Để đảm bảo sự tiếp xúc giữa mẫu thử nghiệm với thanh trụ uốn, tải trọng kéo không quá 2 % cường độ tiêu chuẩn của sợi (xemTCVN 6287:1997)	- 弯曲试验按照TCVN 标准进行。 - 在常温下进行实验。 - 弯曲数次不超过1秒1次。 - 为确保试样与弯曲支撑之间的接触，拉伸载荷不超过样品标准强度的 2%。
4	THỬ NGHIỆM CHỊU CẮT CỦA MỐI HÀN 焊缝剪切试验 - Thử nghiệm khả năng chịu cắt của mối hàn được tiến hành bằng cách dùng dụng cụ kẹp chặt tránh sự quay của sợi ngang. Sợi ngang được cố định trên đe của dụng cụ thử nghiệm, dụng cụ này được lắp trong máy thử nghiệm và sau đó dây dọc được gia tải. - Nếu không thỏa mãn thì tất cả những mối hàn theo sợi ngang cần phải tiến hành thử nghiệm.	- 焊缝剪切测试使用夹具进行，以避免横向钢筋旋转。横向钢筋固定在夹具的砧座上，此工具安装在试验机里面，然后在纵向钢筋进行加载。 - 若不达到标准参数所有的横向焊缝都要进行测试。



CHƯƠNG V | 第五章

ĐỐI TÁC - KHÁCH HÀNG

1. ĐỐI TÁC & KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

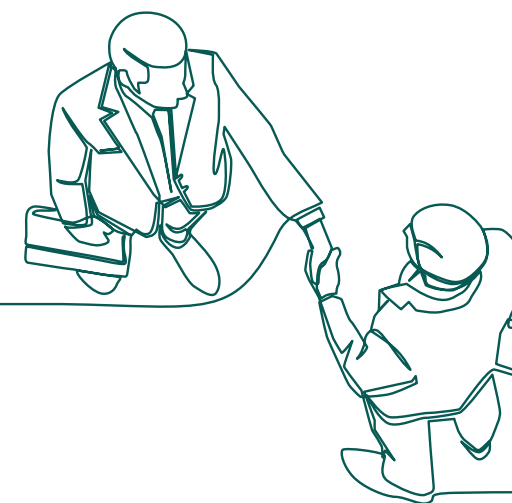
合作伙伴与客户

1. 典型客户与合作伙

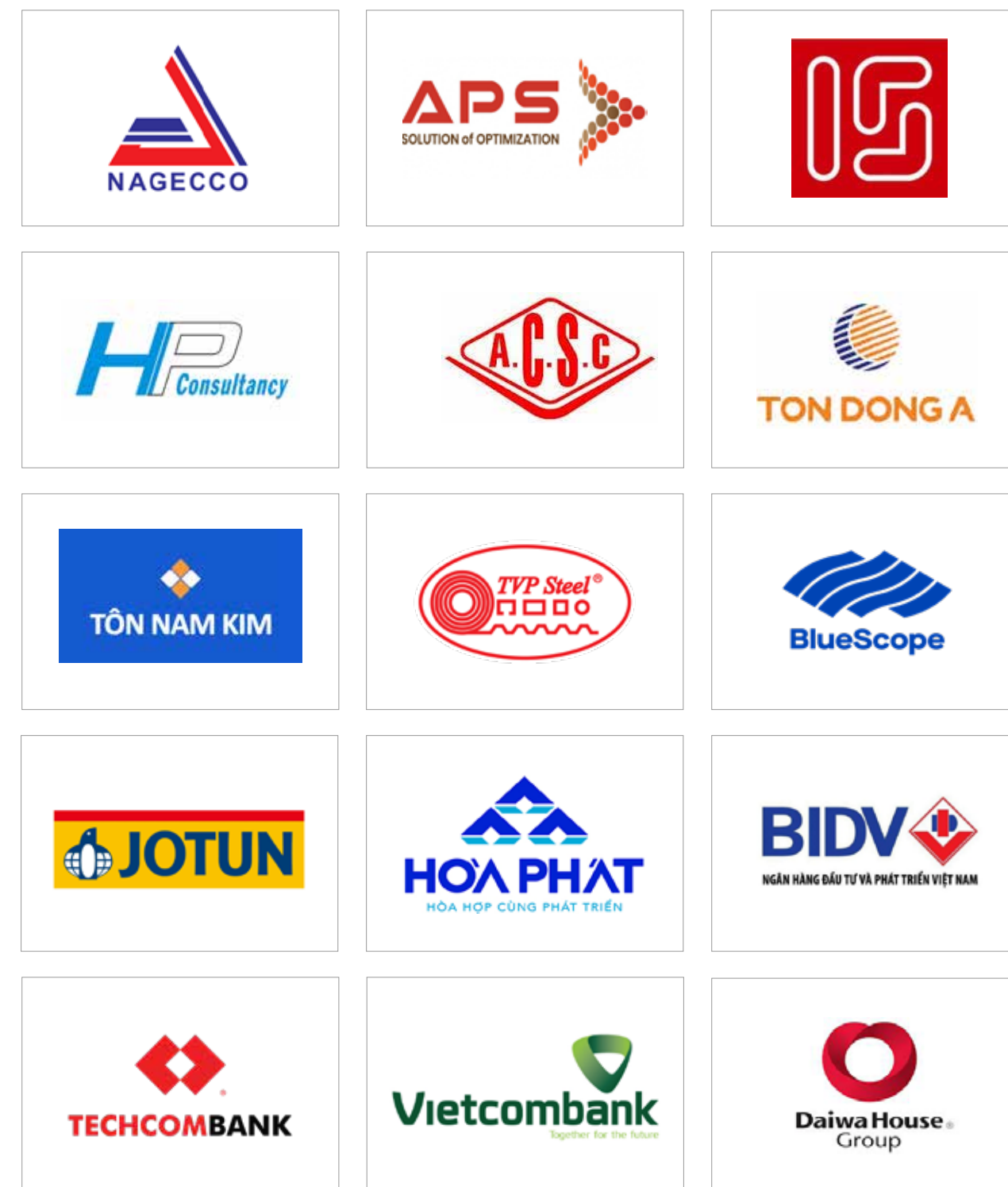
1. ĐỐI TÁC & KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

典型客户与合作伙伴

Các đối tác, khách hàng uy tín trong và ngoài nước mà Đại Nghĩa đã cộng tác.



Đại Nghĩa hợp tác với các khách hàng và đối tác nổi tiếng trong và ngoài nước.



DỰ ÁN TIÊU BIỂU

1. DANH SÁCH DỰ ÁN TIÊU BIỂU
2. QUY MÔ DỰ ÁN TIÊU BIỂU

代表工程

1. 典型代表工程清单
2. 代表工程规模

1. DANH SÁCH DỰ ÁN TIÊU BIỂU

典型代表工程清单

STT 序号	DỰ ÁN & CÔNG TRÌNH 项目 & 工程	QUY MÔ 规模 (m²)	VỊ TRÍ 位置	ĐẠI NGHĨA CUNG CẤP 大义提供
1	NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT DỤNG CỤ THỂ THAO ACODE ACODE运动器材生产工厂	40,000	KCN Vsip 2, Tân Uyên, Bình Dương 平阳县土龙木市VSIP2工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
2	NHÀ MÁY SẢN XUẤT LỐP ADVANCE VIỆT NAM 越南ADVANCE 轮胎生产工厂	296.967	KCN Long Giang, Tân Lập 1, Tân Phước, Tiền Giang 前江省新福新立1龙江工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
3	NHÀ XƯỞNG C&S VINA C&S VINA 工厂	25,000	Số 28, đường 19, An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. 越南胡志明市2郡安富坊19街28号	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
4	NHÀ XƯỞNG CHẨN HƯNG GIA CHAN HUNG GIA 工厂		KCN Đồng An 2, Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương 平阳县土龙木市和富同安2工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
5	NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẮT - THÉP CHIN YOU CHANG CHIN YOU CHANG 钢铁生产工厂	17,000	KCN Đại Đăng, Bình Dương 平阳县大灯工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
6	NHÀ KHO HÓA CHẤT CHUEN HUAH CHUEN HUAH 化工仓库	4,500	29 đường số 2, KCN Vsip 2, Bình Dương. 平阳县VSIP2工业区2街29号	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
7	NHÀ XƯỞNG DA ĐỨC TÍN DEXIN 皮革工厂	15,800	KCX Linh Trung III, An Tịnh, Trảng Bàng, Tây Ninh 西省省长鹏县安靖铃中3加工出口区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
8	NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT GIÀY GALLI GALLI 鞋履生产工厂	40,000	KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Bình Dương. 平阳县槟吉县美福3工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
9	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY GREEN CHEM VIỆT NAM 越南 GREEN CHEM 鞋履生产工厂	15,815	KCN Sóng Thần 3, Bình Dương 平阳县神浪3工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
10	NHÀ MÁY DỆT MAY HƯNG THỊNH PHÁT 兴盛发纺织工厂	15,000	Huyện Tam Nông, Đồng Tháp. 同塔省三农	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
11	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY JIA YU - GIAI ĐOẠN 2 JIA YU 鞋履生产工厂 - 阶段2	21,800	KCN Vsip 2, Tân Uyên, Bình Dương 平阳县土龙木市VSIP2工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
12	NHÀ XƯỞNG GỖ KING YUAN TONG KING YUAN TONG 木材生产厂房	20,000	KCN Nam Tân Uyên mở rộng, Bình Dương 平阳县平阳县新源县南新源工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应

STT Nº	DỰ ÁN & CÔNG TRÌNH PROJECTS & CONSTRUCTIONS	QUY MÔ SCALE (m²)	VỊ TRÍ LOCATION	ĐẠI NGHĨA CUNG CẤP DAI NGHIA PROVIDE
13	NHÀ KHO LINKER LINKER 仓库	30,000	Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương 平阳县以安市	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
14	NHÀ MÁY DỆT LIXIN VIỆT NAM 越南立新纺织纺织工厂	41,800	KCN Thành Thành Công, Tây Ninh 西省成成功工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
15	NHÀ XƯỞNG MAY CỬU LONG RIVER 湄公河服装工厂	36,400	TP Hồng Ngự, Đồng Tháp 同塔省鸿御市	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
16	NHÀ XƯỞNG MEI SHENG TEXTILES MEI SHENG 服装工厂	40,000	KCN Ngãi Giao, Châu Đức, Bà Rịa - Vũng Tàu 巴地头顿省周德县交义工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
17	NHÀ MÁY MIDEA 美的电器工厂	44,000	KCN Mỹ Phước 3, Bến Cát, Bình Dương. 平阳县美福3工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
18	XƯỞNG SẢN XUẤT NHỰA NEEU NEEU 塑料生产工厂	16,000	KCN Thành Thành Công, Bình Dương 平阳县成成功工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
19	TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO NEW HOPE 新希望猪牧场	750,000	Ấp Hưng Phát, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước 平福省鸿馆县兴玩邑	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
20	NHÀ XƯỞNG PANCERA PANCERA 工厂	35,000	KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai 同奈省隆城县鹅油工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
21	NHÀ XƯỞNG PHÚC CẦN PHUC CAN 工厂	10,000	KCN Nam Tân Uyên, Bình Dương 平阳县平阳县新源县南新源工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
22	NHÀ XƯỞNG SX GIA CÔNG ĐỒ GỖ MỸ NGHỆ POH HUAT POH HUAT 木材加工生产工厂	28,000	KCN Tam Phước,Thành Phố Biên Hoà, Đồng Nai 同奈省边和市三福工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
23	NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY SHYANG YING SHYANG YING 鞋履生产工厂	164,436	KCN Đồng Xoài II , Bình Phước. 平福省同帅2工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
24	NHÀ XƯỞNG SUNG JU VINA SUNG JU VINA 厂房	15,000	KCN Minh Hưng, Bình Phước 平福省明兴工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
25	NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC TECHLINK - GĐ2 TECHLINK 制衣生产工厂 - 阶段2	16,500	KCN Vsip 2, Tân Uyên, Bình Dương 平阳县土龙木市VSIP2工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
26	CHÙA PHẬT QUỐC VẠN THÀNH 万城国佛寺	120,000	Phường Hưng Chiến, Thị Xã Bình Long, Bình Phước 平福省平隆县兴战坊	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应

1. DANH SÁCH DỰ ÁN TIÊU BIỂU
典型代表工程清单

STT №	DỰ ÁN & CÔNG TRÌNH PROJECTS & CONSTRUCTIONS	QUY MÔ SCALE (m ²)	VỊ TRÍ LOCATION	ĐẠI NGHĨA CUNG CẤP ĐẠI NGHĨA PROVIDE
27	NHÀ XƯỞNG YSG APPAREL YSG APPAREL 工厂	24,600	KCN Tân Đức, Đức Hòa, Long An 隆安省德和县新德工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
28	NHÀ KHO ZENG HSING ZENG HSING 仓库	70,000	KCN Vsip 2, Tân Uyên, Bình Dương 平阳省土龙木市VSIP2工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
29	NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT NHỰA SINH ĐÔI 双胞胎塑料生产工厂	20,000	Huyện Tân Uyên, Bình Dương 平阳省土龙木市	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
30	NHÀ XƯỞNG WORLD MECT TECH (ALCOTOP) WORLD MECT TECH 工厂	5,300	KCN Mỹ Phước 3, Bến Cát, Bình Dương. 平阳省美福3工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
31	NHÀ XƯỞNG SUPOR SUPOR 工厂	19,200	KCN Mỹ Phước 3, Bến Cát, Bình Dương. 平阳省美福3工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
32	NHÀ XƯỞNG RADIANT RADIANT 工厂	25,000	KCN Minh Hưng, Bình Phước 平福省明兴工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
33	TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG ĐHQG TPHCM 胡志明市国家大学国防教育中心	18,000	Xã Đông Hòa, Dĩ An, Bình Dương 平阳省以安县东和	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
34	ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN 西原大学	22,000	TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk 德勒省潘美熟	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
35	NHÀ XƯỞNG CHÍ THÀNH 志成工厂	10,000	KCN Vsip 2, Tân Uyên, Bình Dương 平阳省土龙木市VSIP2工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
36	NHÀ XƯỞNG HWA JONG HWA JONG 工厂	20,000	KCN Vsip I, Thuận An, Bình Dương 平阳省顺安县VSIP1工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
37	NHÀ XƯỞNG TAI YUAN TAI YUAN 纺织工厂	25,000	KCN Xuyên Á, Huyện Đức Hòa, Long An 隆安省德和县川亚工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
38	NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI LỘC NINH 200 - 4MWP 禄宁4太阳能发电厂	240,000	Xã Lộc Tấn, Lộc Ninh, Bình Phước 平福省, 禄宁县, 禄进社	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
39	NHÀ MÁY SẢN XUẤT DỤNG CỤ THỂ THAO BESTWAY BESTWAY 运动器材生产工厂	50,000	KCN Long Giang, Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang 前江省新福新立1龙江工业区	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应
40	TRANG TRẠI NUÔI HEO TÂN HƯNG 新兴猪牧场			Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应

2. DỰ ÁN TIÊU BIỂU I 代表工程



1. TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO NEW HOPE
新希望猪牧场

VỊ TRÍ 位置	Ấp Hưng Phát, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước 平福省鸿馆县兴玩邑		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI NEW HOPE BÌNH PHƯỚC 平福新希望畜牧有限公司.		
NGÀNH NGHỀ 商业	Chăn nuôi 畜牧业	QUY MÔ 规模	750.000 m ²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



2. DỰ ÁN TIÊU BIỂU I 代表工程



2. NHÀ XƯỞNG MAY CỬU LONG RIVER
湄公河服装工厂

VỊ TRÍ 位置	TP Hồng Ngự, Đồng Tháp 同塔省鸿御市		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH MAY CỬU LONG RIVER 湄公河服装有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất hàng may mặc 服装生产	QUY MÔ 规模	36.400 m²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



3. NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT GIÀY GALLI
GALLI 鞋履生产工厂

VỊ TRÍ 位置	KCN Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương. 平阳县美福县美福3工业区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH GALLI INTERNATIONAL INDUSTRIAL GALLI 国际实业有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất giày 鞋履生产	QUY MÔ 规模	40.000 m²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



2. DỰ ÁN TIÊU BIỂU I 代表工程



4. NHÀ MÁY SẢN XUẤT DỤNG CỤ THỂ THAO ACODE
ACODE运动器材生产工厂

VỊ TRÍ 位置	KCN VSIP II-A, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương 平阳县土龙木市VSIP2工业区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH ACODE SPORTING GOODS ACODE 体育用品有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất dụng cụ thể thao 运动器材生产	QUY MÔ 规模	40.000 m²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		

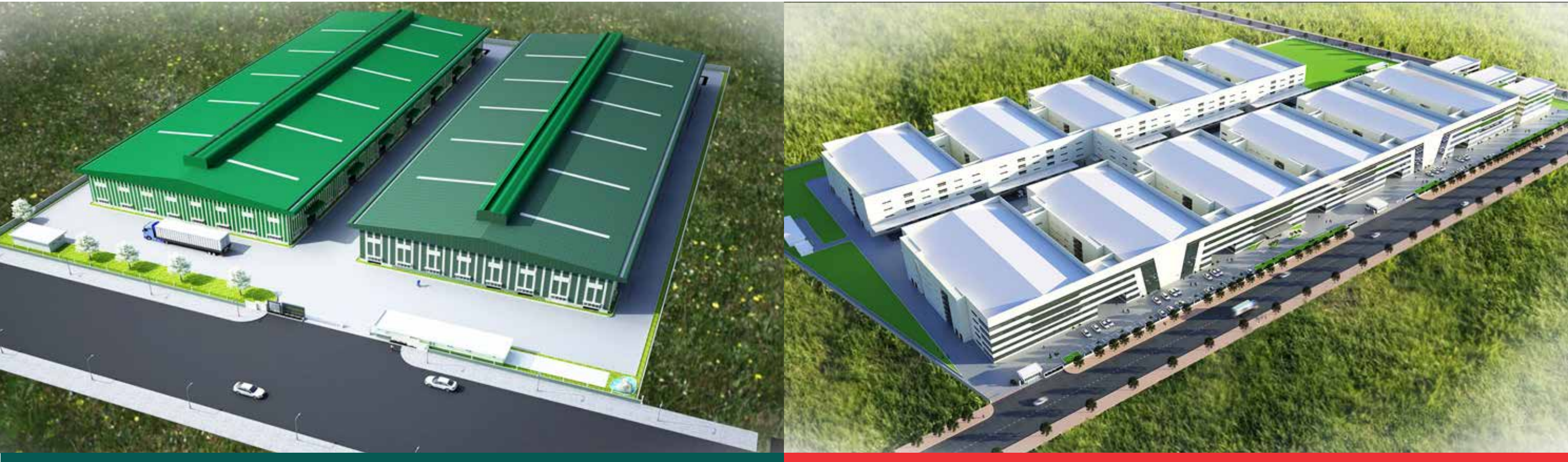


5. NHÀ XƯỞNG KING YUAN TONG
KING YUAN TONG 木材生产厂房

VỊ TRÍ 位置	KCN Nam Tân Uyên, Bình Dương 平阳县平阳县新源县南新源工业区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GỖ KING YUAN TONG KING YUAN TONG木材 一人有限责任公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất sản phẩm từ gỗ 木材制品生产	QUY MÔ 规模	20.000 m²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



2. DỰ ÁN TIÊU BIỂU I 代表工程



6. NHÀ MÁY SẢN XUẤT SẮT - THÉP CHIN YOU CHANG
CHIN YOU CHANG 铁钢生产工厂

VỊ TRÍ 位置	Khu công nghiệp Đại Đăng, Bình Dương 平阳县大灯工业区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH CHIN YOU CHANG CHIN YOU CHANG 有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất sắt thép 铁钢生产	QUY MÔ 规模	17.000 m²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



7. NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP DSVK
工厂DSVK工业股份公司。

VỊ TRÍ 位置	Lô CN6, Đường N4, KCN Sóng Thần III, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương 平阳县神浪3工业区N4街CN6号。		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH TK XD TM ĐÔNG NGUYÊN 东阮设计建设有限公司。		
NGÀNH NGHỀ 业	Sản xuất bàn ghế Sofa 沙发桌制造	QUY MÔ 规模	123.800 m²
HẠNG MỤC 规模	Sản xuất và lắp dựng 生产 & 安装		



2. DỰ ÁN TIÊU BIỂU I 代表工程



8. NHÀ XƯỞNG SUNG JU VINA
SUNG JU VINA 厂房

VỊ TRÍ 位置	Khu công nghiệp Minh Hưng, Tỉnh Bình Phước 平福省明兴工业区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH SUNG JU VINA SUNG JU VINA 有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất linh kiện điện tử 电子元件生产	QUY MÔ 规模	15.000 m²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



9. NHÀ MÁY DỆT LIXIN VIỆT NAM
越南立新纺织纺织工厂

VỊ TRÍ 位置	Khu công nghiệp Thành Thành Công, Tây Ninh 西宁市成成功工业区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH LIXIN TEXTILES (VIỆT NAM) (越南) 立新纺织有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Dệt may 纺织	QUY MÔ 规模	41.800 m²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



2. DỰ ÁN TIÊU BIỂU I 代表工程



10. XƯỞNG SẢN XUẤT NHỰA NEEU
NEEU 塑料生产工厂

VỊ TRÍ 位置	KCN Thành Thành Công, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh 平阳县成成功工业区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH NEEU VIỆT NAM 越南NEEU有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất nhựa 塑料生产	QUY MÔ 规模	16.000 m²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



11. NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC TECHLINK - GIAI ĐOẠN 2
TECHLINK 制衣生产工厂- 阶段2

VỊ TRÍ 位置	KCN VSIP II, Bình Dương 平阳县士龙木市VSIP2工业区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH TECHLINK INTERNATIONAL (VIETNAM) 越南TECHLINK 国际有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất hàng may mặc 服装生产	QUY MÔ 规模	16.500 m²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



2. DỰ ÁN TIÊU BIỂU I 代表工程



12. NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY JIA YU - GIAI ĐOẠN 2
JIA YU 鞋履生产工厂- 阶段2

VỊ TRÍ 位置	KCN VSIP II, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương 平阳县土龙木市VSIP2工业区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH JIA YU VIỆT NAM 越南JIA YU 有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất giày 鞋履生产	QUY MÔ 规模	21.800 m ²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



13. NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY GREEN CHEM VIỆT NAM
越南 GREEN CHEM 鞋履生产工厂

VỊ TRÍ 位置	KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương 平阳县土龙木市富新 神浪3工业区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH GREEN CHEM VIỆT NAM 越南GREEN CHEM 有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất giày 鞋履生产	QUY MÔ 规模	15.815 m ²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



2. DỰ ÁN TIÊU BIỂU I 代表工程



14. NHÀ MÁY DỆT MAY HƯNG THỊNH PHÁT
兴盛发纺织工厂

VỊ TRÍ 位置	Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp 同塔省三农		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH DỆT MAY HƯNG THỊNH PHÁT 兴盛发纺织有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Dệt may 纺织	QUY MÔ 规模	15.000 m²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



15. NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH DA ĐỨC TÍN
DEXIN皮革工厂

VỊ TRÍ 位置	KCX Linh Trung III, An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh 西宁市长鹏县安靖铃中3加工出口区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH DA ĐỨC TÍN DEXIN皮革有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất da thuộc 皮革生产	QUY MÔ 规模	15.800 m²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



2. DỰ ÁN TIÊU BIỂU | 代表工程



16. NHÀ MÁY LỐP ADVANCE VIỆT NAM
越南ADVANCE 轮胎生产工厂

VỊ TRÍ 位置	KCN Long Giang, Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang 前江省新福新立1龙江工业区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH LỐP ADVANCE VIỆT NAM 越南ADVANCE轮胎有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất lốp xe 轮胎制造生产	QUY MÔ 规模	296.967 m²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



17. NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH CHẨN HƯNG GIA
CHAN HUNG GIA 工厂

VỊ TRÍ 位置	KCN Đồng An 2, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương 平阳市土木市和富同安2工业区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH CHẨN HƯNG GIA CHAN HUNG GIA有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất giày 鞋履生产	QUY MÔ 规模	15.800 m²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



2. DỰ ÁN TIÊU BIỂU I 代表工程



18. NHÀ MÁY SẢN XUẤT DỤNG CỤ THỂ THAO BESTWAY
BESTWAY 运动器材生产工厂

VỊ TRÍ 位置	KCN Long Giang, Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang 前江省新福新立1龙江工业区		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH SẢN PHẨM THỂ THAO GIẢI TRÍ BESTWAY VIỆT NAM 越南BESTWAY娱乐用品有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Sản xuất dụng cụ thể thao 运动器材生产	QUY MÔ 规模	50.000 m ²
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất, cung cấp Lưới Thép hàn, thép xây dựng 电焊网、建筑钢材的生产和供应		



19. TRANG TRẠI NUÔI HEO TÂN HƯNG
新兴猪牧场

VỊ TRÍ 位置	Xã Tân Hưng, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước 平福省鸿馆县新兴县		
KHÁCH HÀNG 客户	CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI NEW HOPE BÌNH PHƯỚC 平福新希望畜牧有限公司		
NGÀNH NGHỀ 商业	Chăn nuôi 畜牧业	QUY MÔ 规模	
HẠNG MỤC 项目	Sản xuất và lắp dựng 生产 & 安装		





www.dainghiasteel.vn



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP ĐẠI NGHĨA

📍 Số 23 đường số 16, KDC Vĩnh Lộc, Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, Thành Phố Hồ Chí Minh

☎ (028) 3535 850

✉ info@dainghiasteel.vn

大义工业机械贸易有限公司

📍 越南胡志明市平新郡永禄B住宅区16街23号